

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ngành Kế toán

(Ban hành theo Quyết định số: 757/QĐ-ĐHLĐXH ngày 25 tháng 4 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

Tên ngành đào tạo	: Kế toán
Mã ngành	: 52340301
Hình thức đào tạo	: Chính qui tập trung
Trình độ đào tạo	: Đại học

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học Kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; có kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kế toán; có khả năng thiết kế và điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán (doanh nghiệp, đơn vị dự toán, tổ chức tài chính trung gian); có khả năng tham gia vào quá trình ra quyết định quản trị doanh nghiệp, có năng lực nghiên cứu tự bồi sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức

Kiến thức giáo dục đại cương: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Nguyên lý của chủ nghĩa Mác- Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, các kiến thức cơ bản về pháp luật, toán, tin học, ngoại ngữ và phương pháp nghiên cứu khoa học.

Kiến thức cơ sở ngành và ngành: Trang bị các kiến thức cơ bản về luật kinh tế, luật lao động, các nguyên lý kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, tài chính- tiền tệ, tài chính doanh nghiệp, nguyên lý kế toán, lý thuyết tổ chức, v.v... làm cơ sở để tiếp thu kiến thức chuyên ngành.

Kiến thức chuyên ngành: Trang bị các kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp, tiền lương - tiền công và kiến thức chuyên sâu về kế toán doanh nghiệp, kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp, cách thức phân tích báo cáo tài chính và sử dụng thông tin kế toán để ra quyết định; các nguyên lý tổ chức hệ thống kế toán, hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp trong điều kiện tin

học hóa; các kiến thức chuyên sâu theo ngành kinh doanh và loại hình doanh nghiệp cũng được trang bị để giúp cho sinh viên thực hiện tốt các công việc của nhân viên kế toán và tư vấn thuế cho các doanh nghiệp.

Về kỹ năng

Có khả năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động theo nhóm; có phong cách làm việc chuyên nghiệp, có tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn đào tạo; có khả năng tìm hiểu, vận dụng và tuân thủ luật pháp, chuẩn mực của Việt Nam trong lĩnh vực tài chính, kế toán và thống kê.

Thành thạo thu thập, phân loại và tổ chức hạch toán mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của doanh nghiệp và đơn vị hành chính sự nghiệp phù hợp với các quy định của luật pháp và thông lệ, chuẩn mực kế toán.

Biết cách tổ chức hệ thống kế toán bao gồm: tổ chức, triển khai hệ thống thông tin kế toán, tổ chức quy trình kế toán, tổ chức hệ thống chứng từ, sổ sách, báo cáo kế toán nhằm đáp ứng thông tin theo yêu cầu quản lý của đơn vị.

Biết tự nghiên cứu và sử dụng các phần mềm kế toán; phối hợp với các tổ chức kiểm toán để phục vụ cho các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính tại doanh nghiệp; thành thạo các công việc lập kế hoạch tài chính; có khả năng tổ chức thống kê hoạt động kinh doanh; vận dụng thành thạo các quy định của pháp luật thuế trong các hoạt động kinh doanh.

Về thái độ

Chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán nhằm đào tạo ra những sinh viên chấp hành tốt chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, có quan điểm chính trị vững vàng, có khả năng tiếp thu và bảo vệ quan điểm, biết xử lý hài hòa lợi ích cá nhân, tập thể, tổ chức và quốc gia, có tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, có ý thức tổ chức kỷ luật, chủ động cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc, có đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp.

Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp đại học kế toán có thể làm chuyên viên kế toán trong các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp và trong các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp.

Chuyên viên tư vấn kế toán, thuế trong các công ty tư vấn thuế và tư vấn tài chính, đảm nhận công việc trợ lý phân tích và tư vấn về kế toán, thuế, tài chính; triển vọng trong tương lai có thể trở thành chuyên gia phân tích, tư vấn về kế toán, thuế, tài chính.

Trình độ ngoại ngữ và tin học

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học ngành kế toán có thể sử dụng được tiếng Anh để đọc và hiểu các tài liệu chuyên ngành, có khả năng sử dụng máy

tính phục vụ cho soạn thảo văn bản và thực hiện các công việc chuyên môn, biết cách tự nghiên cứu để sử dụng các phần mềm kế toán.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC

Khối lượng kiến thức toàn khóa là 130 tín chỉ, không bao gồm 05 TC Giáo dục thể chất, 08 TC Giáo dục quốc phòng và an ninh

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương

5. QUI TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quyết định số 1042/QĐ-ĐHLDXH ngày 05/8/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Lao động – Xã hội.

Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được Trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời kỳ bị kỷ luật ở mức đình tri học tập;
- Tích luỹ đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích luỹ của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Thoả mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính; Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định của Trường;
- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;
- Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

6. THANG ĐIỂM

Điểm học phần

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt

F+ (2,0 – 3,9) F (dưới 2,0): Kém

Điểm trung bình

- Mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi qua điểm số (thang điểm 4) như sau:

A+: 4,0 A : 3,7

B+: 3,5 B : 3,0

C+: 2,5 C : 2,0

D+: 1,5 D : 1,0

F+: 0,5 F : 0,0

- Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích luỹ được tính theo công thức sau và làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i x n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích luỹ

a_i: là điểm học phần thứ i

n_i: là số tín chỉ của học phần thứ i

n: là tổng số học phần

7. CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

* **Kiến thức giáo dục đại cương (không kể GDTC và GDQP): 32 tín chỉ**

- Kiến thức bắt buộc: 28 tín chỉ

- Kiến thức lựa chọn: 4 tín chỉ

* **Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp : 98 tín chỉ**

Kiến thức cơ sở của khối ngành (bắt buộc): 12 tín chỉ

Kiến thức cơ sở ngành: 19 tín chỉ

- Kiến thức bắt buộc: 15 tín chỉ

- Kiến thức lựa chọn: 4 tín chỉ

Kiến thức ngành: 57 tín chỉ

- Kiến thức bắt buộc: 49 tín chỉ

- Kiến thức lựa chọn: 8 tín chỉ

Thực tập tốt nghiệp (bắt buộc): 4 tín chỉ

Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế: 6 tín chỉ

7.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương : 32 tín chỉ

TT	Tên môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
	Các học phần bắt buộc	28	
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-	2	

TT	Tên môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
	Lênin 1		
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	
5	Tiếng Anh cơ bản 1	2	
6	Tiếng Anh cơ bản 2	3	
7	Tin học cơ bản 1	2	
8	Tin học cơ bản 2	2	
9	Toán cao cấp 1	2	
10	Toán cao cấp 2	2	
11	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	
12	Pháp luật đại cương	2	
13	Giáo dục thể chất	5	
14	Giáo dục quốc phòng - An ninh	8	
	Các học phần tự chọn	4	
15	Soạn thảo văn bản	2	
16	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	
17	Lôgic học	2	
18	Tâm lý học đại cương	2	

7.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp : 98 tín chỉ

TT	Tên môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
	Kiến thức cơ sở của khối ngành	12	
19	Kinh tế vi mô	3	
20	Kinh tế vĩ mô	3	
21	Nguyên lý thống kê	2	
22	Luật kinh tế	2	
23	Marketing căn bản	2	
	Kiến thức cơ sở ngành	19	
	Các học phần bắt buộc	15	

TT	Tên môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
24	Tài chính - Tiền tệ	2	
25	Nguyên lý kế toán 1	2	
26	Nguyên lý kế toán 2	2	
27	Luật lao động	2	
28	Quản trị doanh nghiệp	2	
29	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	
30	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	2	
	Các học phần tự chọn	4	
31	Kinh tế lượng	2	
32	Văn hóa doanh nghiệp	2	
33	Kỹ năng giao tiếp	2	
34	Luật thuế và kế toán	2	
	Kiến thức ngành	57	
	Các học phần bắt buộc	49	
35	Kế toán tài chính 1	3	
36	Kế toán tài chính 2	3	
37	Tổ chức kế toán	3	
38	Kế toán quản trị	3	
39	Kế toán Hành chính sự nghiệp 1	3	
40	Kế toán Hành chính sự nghiệp 2	3	
41	Kiểm toán căn bản	3	
42	Phân tích báo cáo tài chính	3	
43	Kế toán thuế	3	
44	Kế toán quốc tế	3	
45	Kế toán máy	3	
46	Hệ thống thông tin kế toán	3	
47	Lý thuyết tổ chức	3	
48	Thông kê doanh nghiệp	3	
49	Nguyên lý tiền lương	2	
50	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	3	
51	Kiểm soát nội bộ	2	
	Học phần lựa chọn	8	
	Nhóm 1 (lựa chọn 1 trong 2 học phần sau)	2	

TT	Tên môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
52	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	2	
53	Nhập môn quản trị nhân lực	2	
	Nhóm 2 (chọn 3 trong các học phần sau)	6	
54	Kế toán công ty cổ phần	2	
55	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	2	
56	Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ	2	
57	Kế toán ngân sách	2	
58	Thị trường chứng khoán	2	
59	Kế toán tập đoàn	2	
60	Tín dụng và thanh toán	2	
61	Thực tập cuối khóa	4	
62	Khóa luận tốt nghiệp	6	
63	Hệ thống kiểm soát quản trị	3	
64	Kiểm toán tài chính	3	

8. KẾ HOẠCH GIÁNG DẠY (dự kiến)

TT	Môn học	Số TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VI I	VII I
Học kỳ										
	Môn học bắt buộc									
1	Giáo dục thể chất	5	2	2	1					
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 1	2	2							
3	Tiếng Anh cơ bản 1	2	2							
4	Tin học cơ bản 1	2	2							
5	Toán cao cấp 1	2	2							
6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3		3						
7	Pháp luật đại cương	2	2							
8	Kinh tế vi mô	3		3						
9	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 2	3		3						
10	Tiếng Anh cơ bản 2	3		3						
11	Tin học cơ bản 2	2		2						

TT	Môn học	Số TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VI I	VII I
	Học kỳ									
12	Toán cao cấp 2	2	2							
13	Nguyên lý kế toán 1	2		2						
14	Kinh tế vĩ mô	3			3					
15	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3			3					
16	Giáo dục quốc phòng & An ninh	8			8					
17	Nguyên lý thống kê	2			2					
18	Luật kinh tế	2			2					
19	Marketing căn bản	2			2					
20	Tài chính - Tiền tệ	2			2					
21	Quản trị doanh nghiệp	2			2					
22	Nguyên lý kế toán 2	2			2					
23	Luật lao động	2				2				
24	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				2				
25	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3				3				
26	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	2				2				
27	Kế toán tài chính 1	3				3				
28	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	3				3				
29	Kế toán tài chính 2	3					3			
30	Kế toán Hành chính sự nghiệp 1	3					3			
31	Kế toán quốc tế	3						3		
32	Lý thuyết tổ chức	3					3			
33	Nguyên lý tiền lương	2					2			
34	Thống kê doanh nghiệp	3					3			
35	Tổ chức kế toán	3						3		
36	Kế toán quản trị	3					3			
37	Kế toán Hành chính sự nghiệp 2	3						3		
38	Kiểm toán căn bản	3						3		
39	Hệ thống thông tin kế toán	3						3		

TT	Môn học	Số TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VI I	VII I
40	Kế toán thuế	3						3		
41	Kế toán máy	3							3	
42	Phân tích báo cáo tài chính	3							3	
43	Kiểm soát nội bộ	2							2	
	Môn học tự chọn									
44	Soạn thảo văn bản	2								
45	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2			4					
46	Logic học	2								
47	Tâm lý học đại cương	2								
48	Kinh tế lượng	2								
49	Văn hóa doanh nghiệp	2								
50	Kỹ năng giao tiếp	2								
51	Luật thuế và kế toán	2								
52	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	2								
53	Nhập môn quản trị nhân lực	2								2
54	Kế toán công ty cổ phần	2								
55	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	2								
56	Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ	2								6
57	Kế toán ngân sách	2								
58	Thị trường chứng khoán	2								
59	Kế toán tập đoàn	2								
60	Tín dụng và thanh toán	2								
61	Thực tập cuối khóa	4								4
62	Khóa luận tốt nghiệp	6								6
	<i>Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>									
63	Hệ thống kiểm soát quản trị	3								3
64	Kiểm toán tài chính	3								3
	Tổng cộng	143	14	22	27	19	17	18	16	10
	Số TC lý thuyết		14	22	27	19	17	18	16	0
	Số TC đồ án/thực tập									10

TT	Môn học	Số TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VI I	VII I
	Học kỳ									
	Số tuần thi		3	3	3	3	3	3	3	4
	Số tuần/Học kỳ		18	18	18	18	18	18	18	18

Học kỳ 1:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	14		
1	GDT11422T	Giáo dục thể chất 1	2		
2	MLN10722H	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 1	2		
3	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	2		
4	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	2		
5	TCC11122L	Toán cao cấp 1	2		
6	TCC21122L	Toán cao cấp 2	2		
7	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	2		
		Học phần tự chọn	0		
		Tổng cộng	14		

Học kỳ 2:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	14		
1	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	3		
2	MLN20723H	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 2	3		
3	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	3		
4	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	2		
5	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3		
6	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	2		
		Học phần tự chọn	6		
7	GDT31422T	Giáo dục thể chất 3	2		Chọn

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
8	GDT41422T	Giáo dục thể chất 4	2		2/4 TC
9	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	2	PLĐC1022H	
10	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2		Chọn 4/8 TC
11	LOGI0722L	Logic học	2	MLN10722H	
12	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	2		
		Tổng cộng	20		

Học kỳ 3:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	26		
1	VĨMO0523H	Kinh tế vĩ mô	3		
2	ĐLCM0723H	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	MLN20723H TTCM0722H	
3	QPAN1428H	Giáo dục quốc phòng & An ninh	8		
4	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	2		
5	LKTE1022H	Luật kinh tế	2	PLĐC1022H	
6	MARC0522H	Marketing căn bản	2		
7	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	2	MLN20723H	
8	QTDN0522H	Quản trị doanh nghiệp	2		
9	NLK20122H	Nguyên lý kế toán 2	2	NLK10122H	
		Học phần tự chọn	1		
10	GDT51421T	Giáo dục thể chất 5	1		Chọn
11	GDT61421T	Giáo dục thể chất 6	1		1/2 TC
		Tổng cộng	27		

Học kỳ 4:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	15		
1	LLĐO1022H	Luật lao động	2	PLĐC1022H	
2	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	MLN10722H	
3	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	TCTT0122H	
4	TCSN0122H	Quản trị tài chính đơn	2	TCTT0122H	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		vị hành chính sự nghiệp		NLK10122H	
5	KTC10123H	Kế toán tài chính 1	3	NLK10122H	
6	AKTO0622H	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	3	TAC20623H	
		Học phần tự chọn	4		
7	KTLU1122H	Kinh tế lượng	2	ViMO0523H ViMO0523H TCB2122H TCC21122L XSTK1123L	Chọn 4/8 TC
8	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	2		
9	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	2		
10	LTKT1022H	Luật thuế và kế toán	2	PLDC1022H	
		Tổng cộng	19		

Học kỳ 5:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	17		
1	KTC20123H	Kế toán tài chính 2	3	KTC10123H	
2	KTH10123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 1	3	TCSN0122H	
3	KTQT0123H	Kế toán quản trị	3		
4	LTTC0523H	Lý thuyết tổ chức	3		
5	NLTL0222H	Nguyên lý tiền lương	2		
6	TKDN1323H	Thống kê doanh nghiệp	3	NLTK1322H	
		Học phần tự chọn	0		
		Tổng cộng	17		

Học kỳ 6:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	18		
1	TCKT0123H	Tổ chức kế toán	3	KTC20123H KTH20123H	
2	KQTE0123H	Kế toán quốc tế	3	NLK10122H	
3	KTH20123H	Kế toán Hành chính	3	KTH10123H	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		sự nghiệp 2			
4	KTCB0123H	Kiểm toán căn bản	3	KTC20123H	
5	TTKT0123H	Hệ thống thông tin kế toán	3	KTC20123H	
6	KTTE0123H	Kế toán thuế	3	KTC20123H LTKT1022H	
		Học phần tự chọn	0		
		Tổng cộng	18		

Học kỳ 7:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	8		
1	KTMA0123H	Kế toán máy	3	KTC20123H	
2	PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	3	TCDN0123H KTC20123H	
3	KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ	2	LTTC0523H	
		Học phần tự chọn	8		
4	KTCP0122H	Kế toán công ty cổ phần	2	KTC20123H	
5	KTXL0122H	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	2	KTC20123H	
6	KTDV0122H	Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ	2	KTC20123H	
7	KTNS0122H	Kế toán ngân sách	2	KTH20123H	
8	TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	2	TCTT0122H ViMO0523H ViMO0523H	Chọn 6/14 TC
9	KTĐD0122H	Kế toán tập đoàn	2	KTC20123H	
10	TDTT0122H	Tín dụng và thanh toán	2		
11	NVBH0422H	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	2		Chọn 2/4 TC
12	NMQT0222L	Nhập môn quản trị nhân lực	2		
		Tổng cộng	16		

Học kỳ 8:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
1	TTCK0124T	Thực tập cuối khóa	4		
2	KLTN0126T	Khóa luận tốt nghiệp	6		
Học phần thay thế khóa luận					
3	KSQT0123H	Hệ thống kiểm soát quản trị	3	KTQT0123H	Chọn 2/4 TC
4	KTTC0123H	Kiểm toán tài chính	3		
		Tổng cộng	10		

9. MÔ TẢ VĂN TẮT NỘI DỤNG VÀ KHÓI LUỢNG CÁC HỌC PHẦN

9.1. *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1*

Số tín chỉ: 02

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.2. *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2*

Số tín chỉ: 03

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.3. *Tư tưởng Hồ Chí Minh*

Số tín chỉ: 02

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.4. *Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam*

Số tín chỉ: 03

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

9.5. *Tiếng Anh cơ bản 1*

Số tín chỉ: 02

Cung cấp kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ đầu A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

9.6. *Tiếng Anh cơ bản 2*

Số tín chỉ: 03

Cung cấp kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ giữa A2 trở lên theo chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

9.7. Tin học cơ bản 1

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở nhất để có thể làm việc trên máy tính, làm việc với các phần mềm chạy trên nền Hệ điều hành Windows, trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng soạn thảo và định dạng văn bản bằng Microsoft Word, kỹ năng tính toán, phân tích và tổng hợp dữ liệu bằng Microsoft Excel.

9.8. Tin học cơ bản 2

Số tín chỉ: 02

Học phần tin học cơ bản 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về CSDL (Database), CSDL quan hệ (Relational Database) và một số hệ quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến hiện nay.

9.9. Toán cao cấp 1

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về ma trận, định thức; hệ phương trình tuyến tính; không gian vector và các mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector. Học phần cũng cung cấp cách tính định thức, tìm ma trận nghịch đảo, tìm nghiệm của hệ phương trình tuyến tính, tìm hạng, cơ sở của hệ véc tơ và cơ sở của không gian con R^n ; Ứng dụng của đại số tuyến tính trong phân tích mô hình cân bằng cung cầu, mô hình cân đối liên ngành.

9.10. Toán cao cấp 2

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần gồm 3 chương, chứa đựng các kiến thức cơ bản cần thiết của giải tích và một số ứng dụng trong kinh tế: Dãy số giới hạn của dãy số; hàm số một biến số, giới hạn và tính liên tục; Đạo hàm, vi phân, tích phân của hàm số một biến số; Cực trị của hàm số một biến số; Ứng dụng của đạo hàm, tích phân trong phân tích kinh tế; Hàm số hai biến số; Đạo hàm và vi phân của hàm số hai biến số; Hàm thuần nhất; Cực trị của hàm hai biến số; Ứng dụng của đạo hàm riêng, vi phân trong kinh tế học; Đạo hàm riêng cấp 2 và qui luật năng suất cận biên giảm dần; Hệ số co dãn; Hệ số thay thế.

9.11. Lý thuyết xác suất và Thống kê toán

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê toán. Học phần cũng giúp sinh viên giải quyết các bài tập xác suất và thống kê. Những kiến thức này là nền tảng giúp sinh viên học các môn học chuyên ngành về sau.

9.12. Pháp luật đại cương

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Pháp chế xã hội chủ nghĩa.

9.13. Giáo dục thể chất

Số tín chỉ: 05

Nội dung ban hành tại Thông tư số 25/2015/TT-BGDDT, ngày 14/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

9.14. Giáo dục quốc phòng

Số tín chỉ: 08

Nội dung ban hành tại Thông tư số 31/2012/TT-BGDDT, ngày 12/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

9.15. Soạn thảo văn bản

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Lý luận chung về văn bản quản lý nhà nước; Kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt: Khái niệm, đặc điểm và kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt; Kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường.

9.16. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học

Số tín chỉ: 02

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học: Làm rõ các khái niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; Phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng; Tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu để tài khoa học, nhất là khóa luận tốt nghiệp; Đạo đức khoa học.

9.17. Logic học

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Đối tượng và ý nghĩa của logic học; Khái niệm; Phán đoán; Các quy luật cơ bản của logic hình thức; Suy luận; Chứng minh và bác bỏ; Giả thuyết.

9.18. Tâm lý học đại cương

Số tín chỉ: 02

Tâm lý học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.

9.19. Kinh tế vi mô

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Lý thuyết cung cầu về hàng hóa và dịch vụ; Độ co giãn; Lý thuyết hành vi người tiêu dùng, người sản xuất; Các cấu trúc thị trường; Thất bại thị trường và vai trò của Chính phủ.

9.20. Kinh tế vĩ mô

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như GDP, GNP, giá cả, lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền, lãi suất, thâm hụt hay thặng dư thương mại, cán cân thanh toán, tỷ giá,...

9.21. Nguyên lý thống kê

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau: Những vấn đề chung về Thống kê học; Điều tra Thống kê; Điều tra chọn mẫu; Tổng hợp Thống kê; Nghiên cứu thống kê các mức độ của hiện tượng kinh tế - xã hội; Phân tích Hồi quy và Tương quan; Phương pháp phân tích Dãy số thời gian; Chỉ số.

9.22. Luật kinh tế

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Địa vị pháp lý các chủ thể kinh doanh; Pháp luật về cạnh tranh trong kinh doanh; Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh; Pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

9.23. Marketing căn bản

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, ảnh hưởng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng phát triển và ứng dụng của Marketing trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing; Đặc tính và hành vi của khách hàng, phân đoạn thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường; Bốn công cụ chủ yếu trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chương trình marketing hỗn hợp.

9.24. Tài chính tiền tệ

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tài chính và thị trường tài chính; Tiền tệ, lãi suất và tỷ giá hối đoái; Ngân hàng trung ương; Ngân hàng thương mại; Thanh toán qua ngân hàng thương mại

9.25. Nguyên lý kế toán 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản của nguyên lý kế toán như khái niệm, bản chất, chức năng vai trò của kế toán, yêu cầu đối với thông tin kế toán, các nguyên tắc kế toán và phân loại đối tượng kế toán; Các phương tiện kế toán như Chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và hệ thống Báo cáo kế toán.

9.26. Nguyên lý kế toán 2

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức sâu hơn về các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung và việc vận dụng các nguyên tắc này; Các kiến thức về tính giá và đo lường công nợ, các nguyên tắc trong hạch toán hàng tồn kho, nợ ngắn hạn và tài sản dài hạn.

9.27. Luật lao động

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần gồm 10 chương, tập trung vào 4 vấn đề chính sau: Những vấn đề cơ bản về luật lao động; Những vấn đề cơ bản về việc làm, học nghề, hợp đồng lao động, đối thoại tại nơi làm việc - thương lượng tập thể - thỏa ước lao động tập thể; Những vấn đề cơ bản về tiền lương, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất, an toàn, vệ sinh lao động; Những vấn đề cơ bản về giải quyết tranh chấp lao động; thanh tra lao động, xử phạt vi phạm pháp luật lao động.

9.28. Quản trị doanh nghiệp

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức sau: Tổng quan về quản trị doanh nghiệp; Các loại hình doanh nghiệp; Cơ cấu tổ chức doanh nghiệp; Quản trị sản xuất và công nghệ trong doanh nghiệp; Quản trị tiêu thụ trong doanh nghiệp; Quản trị nhân lực trong doanh nghiệp; Quản trị tài chính trong doanh nghiệp.

9.29. Quản trị tài chính doanh nghiệp

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về Quản trị tài chính doanh nghiệp; Quản trị tài sản ngắn hạn; Quản trị nguồn tài trợ ngắn hạn; Quản trị tài sản dài hạn; Nguồn huy động vốn trong doanh nghiệp; Chi phí sử dụng vốn và cơ cấu nguồn vốn trong doanh nghiệp.

9.30. Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về tài chính công và tài chính của đơn vị hành chính - sự nghiệp; Lập dự toán trong đơn vị hành chính - sự nghiệp; Quản trị tài chính trong các đơn vị hành chính sự nghiệp; Quyết toán nguồn kinh phí.

9.31. Kinh tế lượng

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp lượng hoá một mô hình kinh tế, hiểu cơ sở khoa học và kỹ thuật hồi quy đơn biến, đa biến; Giới thiệu một số kỹ thuật cơ bản trong việc sử dụng kinh tế lượng trong việc nghiên cứu và phân tích kinh tế.

9.32. Văn hóa doanh nghiệp

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về văn hóa doanh nghiệp; Các yếu tố ảnh hưởng tới văn hóa doanh nghiệp; Các biểu hiện của văn hóa doanh nghiệp và các dạng văn hóa doanh nghiệp; Văn hóa trong các hoạt động kinh doanh; Xây dựng và duy trì văn hóa doanh nghiệp.

9.33. Kỹ năng giao tiếp

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Kỹ năng giao tiếp cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản nhất về giao tiếp trong mối quan hệ giữa người với người: khái niệm, các đặc trưng cơ bản của giao tiếp, các yếu tố tham gia và chi phối cuộc giao tiếp, các phương thức tác động tâm lý trong giao tiếp.

9.34. Luật thuế và kế toán

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần gồm 6 chương, tập trung vào 4 nhóm vấn đề chính sau: Khái quát chung về pháp luật thuế; Pháp luật về một số nhóm thuế cơ bản; Những vấn đề cơ bản của pháp luật về kế toán; Xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thuế và kế toán.

9.35. Kế toán tài chính 1

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản của kế toán tài chính: vai trò của kế toán, nguyên tắc kế toán, nội dung, yêu cầu, hình thức kế toán, quy định về lập, bảo quản, lưu trữ chứng từ, sử dụng tài khoản và mở sổ kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; Kế toán tài sản cố định; Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.

9.36. Kế toán tài chính 2

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức cơ bản, tổng quát và chuyên sâu về kế toán tài chính áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh như: Kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh; Kế toán đầu tư tài chính và hoạt động khác; Kế toán phân phối lợi nhuận; Kế toán tài sản bằng tiền; Kế toán các khoản phải thu; Kế toán các khoản nợ phải trả; Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu; Lập và trình bày báo cáo tài chính.

9.37. Tổ chức kế toán

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Khái quát chung về tổ chức kế toán; Tổ chức bộ máy kế toán; Lựa chọn hình thức sổ kế toán; Tổ chức kế toán TSCĐ; Tổ chức kế toán hàng tồn kho; Tổ chức kế toán chi phí nhân công và các khoản thanh toán với người lao động; Tổ chức kế toán quá trình sản xuất; Tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh; Tổ chức kế toán tiền và quy trình kiểm soát nội bộ tiền mặt; Tổ chức các hoạt động kế toán khác trong doanh nghiệp.

9.38. Kế toán quản trị

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Kế toán quản trị và môi trường kinh doanh; Phân loại chi phí; Hệ thống hạch toán chi phí sản xuất; Hình thái chi phí; Phân tích chi phí – sản lượng – lợi nhuận; Chi phí biến đổi – công cụ của quản lý; Hạch toán chi phí theo hoạt động; Dự toán sản xuất kinh doanh; Chi phí phù hợp cho việc ra quyết định; Hình thái chi phí

9.39. Kế toán hành chính sự nghiệp 1

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Những vấn đề chung của kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp; Kế toán vật tư; Kế toán tài sản cố định; Kế toán thanh toán; Kế toán tài sản bằng tiền

9.40. Kế toán hành chính sự nghiệp 2

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức về kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp và kế toán trong đơn vị HCSN đặc thù (đơn vị HCSN ngành Lao động – Thương binh và Xã hội và ngành Bảo hiểm xã hội): Kế toán các khoản chi và nguồn kinh phí trong đơn vị hành chính sự nghiệp; Kế toán chi phí sản xuất kinh doanh trong đơn vị hành chính sự nghiệp; Báo cáo kế toán; Kế toán ngành lao động thương binh xã hội; Kế toán bảo hiểm xã hội

9.41. Kiểm toán căn bản

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý kiểm toán, những hướng dẫn cụ thể quy trình và các bước để thực hiện một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính.

9.42. Phân tích báo cáo tài chính

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về phân tích báo cáo tài chính; Diễn giải hệ thống báo cáo tài chính; Phân tích thanh khoản và khả

năng thanh toán; Phân tích cấu trúc tài chính và khả năng thanh toán nợ dài hạn; Phân tích hiệu quả kinh doanh và khả năng sinh lời.

9.43. Kế toán thuế

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về thuế và kế toán thuế; Các loại thuế hiện hành ở Việt Nam, bao gồm thuế Xuất nhập khẩu, Tiêu thụ đặc biệt, Giá trị gia tăng, Thu nhập doanh nghiệp và Thu nhập cá nhân.

9.44. Kế toán quốc tế

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên có cái nhìn toàn cảnh về một chu trình kế toán hoàn thiện trong doanh nghiệp theo chế độ kế toán Mỹ, từ chứng từ, tài khoản, phương pháp hạch toán đến báo cáo kế toán; Học phần tập trung chủ yếu vào các phần hành kế toán trong doanh nghiệp thuộc loại hình doanh nghiệp một chủ.

9.45. Kế toán máy

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về phần mềm kế toán; Khai báo các tham số và số dư đầu kỳ; Kế toán mua hàng, bán hàng; Kế toán hàng tồn kho, tiền mặt, tiền gửi ngân hàng; Kế toán tiền lương, tài sản cố định, giá thành; Kế toán tổng hợp và xác định kết quả kinh doanh.

9.46. Hệ thống thông tin kế toán

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về hệ thống thông tin kế toán; Xử lý giao dịch và các công cụ mô tả hệ thống; Đạo đức, gian lận và kiểm soát nội bộ; Các vấn đề về hệ thống thông tin kế toán theo các chu trình kinh doanh chủ yếu; Hệ thống báo cáo tài chính và báo cáo quản trị.

9.47. Lý thuyết tổ chức

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Khái quát chung về giới thiệu về tổ chức và lý thuyết tổ chức; Mục tiêu, chiến lược và thiết kế cấu trúc tổ chức; Các yếu tố hệ thống bên ngoài tổ chức; Các yếu tố bên trong tổ chức ảnh hưởng tới thiết kế tổ chức; Quản lý quá trình hoạt động của tổ chức: Nghiên cứu sự đổi mới và các thay đổi trong tổ chức.

9.48. Thống kê doanh nghiệp

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Những vấn đề cơ bản của thống kê doanh nghiệp; Thống kê kết quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp; Thống kê lao động, năng suất lao động và thu nhập lao động; Thống kê Tài sản trong doanh

nghiệp; Thống kê giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp; Thống kê hoạt động tài chính trong doanh nghiệp; Thống kê hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

9.49. Nguyên lý tiền lương

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản, chung nhất về tiền lương và các khoản thu nhập khác của người lao động phát sinh trong quan hệ lao động: Tiền lương tối thiểu, phụ cấp lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập khác phát sinh trong quan hệ lao động, cũng như các kiến thức về chế độ tiền lương và hình thức trả lương

9.50. Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Trang bị các thuật ngữ, từ vựng thông dụng về tiếng Anh chuyên ngành Kế toán và ôn tập lại các dạng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh.

9.51. Kiểm soát nội bộ

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về kiểm soát nội bộ; Gian lận và biện pháp phòng ngừa gian lận; Khuôn mẫu hệ thống kiểm soát nội bộ theo báo cáo của COSO; Kiểm soát nội bộ đối với các tài sản và các chu trình kinh doanh chủ yếu trong các doanh nghiệp.

9.52. Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần gồm 4 chương, tập trung vào 4 vấn đề chính sau: Khái quát về bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm óm đau; Bảo hiểm thai sản; Bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

9.53. Nhập môn quản trị nhân lực

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về quản trị nhân lực: Bản chất, vai trò, chức năng của quản trị nhân lực; Các quan điểm, các học thuyết của quản trị nhân lực; Các nghiệp vụ cơ bản của quản trị nhân lực: hoạch định nhân lực, tuyển dụng nhân lực, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo nhân lực và quản trị thù lao.

9.54. Kế toán công ty cổ phần

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về kế toán công ty cổ phần: Kế toán thành lập công ty cổ phần; Kế toán biến động vốn trong công ty cổ phần; Kế toán chia cổ tức trong công ty cổ phần; Kế toán giải thể và tổ chức lại công ty cổ phần.

9.55. Kế toán doanh nghiệp xây lắp

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp xây lắp: Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp và hệ thống báo cáo kế toán.

9.56. Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những khái niệm cơ bản, đặc điểm các loại hình doanh nghiệp, các phương pháp đánh giá hàng hóa nhập xuất kho, các phương thức tiêu thụ bán buôn, bán lẻ, cách thức hạch toán xuất nhập khẩu trực tiếp, ủy thác; Cách tập hợp chi phí, doanh thu, kết quả trong các doanh nghiệp này.

9.57. Kế toán ngân sách

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức sau: Những vấn đề chung về kế toán ngân sách; Kế toán dự toán; Kế toán thu ngân sách; Kế toán chi ngân sách; Kế toán các nghiệp vụ khác; Báo cáo tài chính.

9.58. Thị trường chứng khoán

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về thị trường chứng khoán; Hàng hoá trên thị trường chứng khoán; Thị trường chứng khoán sơ cấp; Thị trường chứng khoán thứ cấp; Phân tích chứng khoán.

9.59. Kế toán tập đoàn

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Kế toán hợp nhất kinh doanh; Báo cáo tài chính hợp nhất.

9.60. Tín dụng và thanh toán

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tín dụng ngân hàng; Tín dụng quốc tế; Thanh toán trong nước; Thanh toán quốc tế.

9.61. Thực tập cuối khóa

Số tín chỉ: 04 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên kinh nghiệm nghiên cứu thực tế về tổ chức bộ máy kế toán, tổ chức công tác kế toán, chính sách, quy trình và thủ tục kế toán các hoạt động (kinh doanh) của một đơn vị cụ thể.

9.62. Khóa luận tốt nghiệp

Số tín chỉ: 06 tín chỉ

Học phần này giúp người học áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động của ngành Kế toán. Kết thúc học phần, người học báo cáo kết quả nghiên cứu dưới hình thức Khóa luận tốt nghiệp.

9.63. Hệ thống kiểm soát quản trị

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản sau: Giới thiệu tổng quát về HTKSQT; Các nội dung thực hiện kiểm soát quản trị từ xây dựng chiến lược, hành vi tổ chức, hệ thống kế toán trách nhiệm, đo lường, phân tích, đánh giá...

9.64. Kiểm toán tài chính

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Kiểm toán tiền; Kiểm toán nợ phải thu; Kiểm toán hàng tồn kho và giá vốn hàng bán; Kiểm toán tài sản cố định và chi phí khấu hao; Kiểm toán nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu; Kiểm toán thu nhập và chi phí.

10. DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

10.1. Kiến thức giáo dục đại cương

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
	Môn học bắt buộc		
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	ThS. Đặng Thị Hồng Vi ThS. Vũ Sĩ Đoàn ThS. Đoàn Thị Thu Hà TS. Nguyễn Thị Giáng Hương ThS. Phạm Khánh Ngọc ThS. Nguyễn Thị Thu	Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Triết học Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	ThS. Đỗ Thị Ngọc Ánh ThS. Vũ Sỹ Đoàn ThS. Đoàn Thị Thu Hà TS. Đông Thị Hồng TS. Nguyễn Thị Giáng Hương TS. Vũ Thị Phương Mai ThS. Phạm Khánh Ngọc	Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Triết học Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Đào Mai Phuróc ThS. Nguyễn Thị Thu TS. Phạm Thị Thủy ThS. Đặng Thị Hồng Vi	Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TS. Vũ Thị Phương Mai ThS. Đoàn Thị Thu Hà TS. Nguyễn Thị Giáng Hương ThS. Nguyễn Văn Tuân ThS. Triệu Thị Trinh ThS. Nguyễn Thị Thu	Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Triết học Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	TS. Phạm Thị Thủy ThS. Triệu Thị Trinh TS. Đông Thị Hồng ThS. Đào Mai Phuróc ThS. Nguyễn Văn Tuân ThS. Lê Hương Giang ThS. Nguyễn Thị Phúc ThS. Đỗ Thị Yến ThS. Đoàn Thanh Thủy	Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Lịch sử Lịch sử
5	Tiếng Anh cơ bản 1	ThS. Phan Thị Mai Hương ThS. Lê Anh Tuấn ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương ThS. Trương Thị Tuyết Hạnh ThS. Phạm Thị Hồng Hạnh ThS. Kiều Linh ThS. Đàm Lan Hương ThS. Phạm Thị Liễu ThS. Lê Thị Thu Thuý ThS. Trịnh Thị Thuý ThS. Hoàng Thị Hiền ThS. Trần Thị Thu Hằng ThS. Trương Thị Thuý ThS. Nguyễn Thị Lan Anh ThS. Triệu Thị Trang ThS. Đỗ Diệp Linh	Anh Văn Anh Văn

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Chử Mai Lan ThS. Trần Thị Thu Hương ThS. Bùi Thị Thu Hà ThS. Đào Thị Thu Hương ThS. Nguyễn Thị Việt Hoa ThS. Phan Thị Thanh Tâm ThS. Cao Thị Huyền Nga ThS. Cao Sơn Hùng ThS. Lại Minh Thư ThS. Trần Thị Huyền ThS. Nguyễn Thị Thu Thuỷ ThS. Nguyễn Thị Minh Huyền ThS. Nguyễn Thị Hoa ThS. Vũ Thị Kim Anh	Anh Văn Anh Văn
6	Tiếng Anh cơ bản 2	ThS.Phan Thị Mai Hương ThS. Lê Anh Tuấn ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương ThS. Trương Thị Tuyết Hạnh ThS. Phạm Thị Hồng Hạnh ThS. Kiều Linh ThS. Đàm Lan Hương ThS. Phạm Thị Liễu ThS. Lê Thị Thu Thuỷ ThS. Trịnh Thị Thuỷ ThS. Hoàng Thị Hiền ThS. Trần Thị Thu Hằng ThS. Trương Thị Thuý ThS. Nguyễn Thị Lan Anh ThS. Triệu Thị Trang ThS. Đỗ Diệp Linh ThS. Chử Mai Lan ThS. Trần Thị Thu Hương ThS. Bùi Thị Thu Hà ThS. Đào Thị Thu Hương ThS. Nguyễn Thị Việt Hoa	Anh Văn Anh Văn

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
7	Tin học cơ bản 1	ThS. Phan Thị Thanh Tâm	Anh Văn
		ThS. Cao Thị Huyền Nga	Anh Văn
		ThS. Cao Sơn Hùng	Anh Văn
		ThS. Lại Minh Thư	Anh Văn
		ThS. Trần Thị Huyền	Anh Văn
		ThS. Nguyễn Thị Thu Thuỷ	Anh Văn
		ThS. Nguyễn Thị Minh Huyền	Anh Văn
		ThS. Nguyễn Thị Hoa	Anh Văn
		ThS. Vũ Thị Kim Anh	Anh Văn
		ThS. Nguyễn Hữu Bình	Xử lý Thông tin
8	Tin học cơ bản 2	ThS. Nguyễn Thị Sinh Chi	Công nghệ TT
		ThS. Bùi Thị Hồng Dung	Công nghệ TT
		ThS. Nguyễn Thanh Huyền	Công nghệ TT
		TS. Vũ Thị Tuyết Lan	Công nghệ TT
		ThS. Ngô Bích Liên	Công nghệ TT
		ThS. Nguyễn Sao Mai	Kinh tế
		ThS. Phạm Hồng Nhunger	Công nghệ TT
		ThS. Nguyễn Nam Thắng	Công nghệ TT
		ThS. Phạm Minh Tú	Công nghệ TT
		ThS. Tạ Tường Vi	Công nghệ TT
9	Toán cao cấp 1	ThS. Nguyễn Hữu Bình	Xử lý Thông tin
		ThS. Nguyễn Thị Sinh Chi	Công nghệ TT
		ThS. Bùi Thị Hồng Dung	Công nghệ TT
		ThS. Nguyễn Thanh Huyền	Công nghệ TT
		TS. Vũ Thị Tuyết Lan	Công nghệ TT
10	Toán cao cấp 2	ThS. Ngô Bích Liên	Công nghệ TT
		ThS. Nguyễn Sao Mai	Kinh tế
		ThS. Phạm Hồng Nhunger	Công nghệ TT
		ThS. Nguyễn Nam Thắng	Công nghệ TT
11	Tin học ứng dụng	ThS. Phạm Minh Tú	Công nghệ TT
		ThS. Tạ Tường Vi	Công nghệ TT
		TS. Nguyễn Thị Nga	Toán
		ThS. Nguyễn Thị Thu Hương	Toán
12	Lý thuyết cơ khí	ThS. Phạm Thị Tuyết Nhunger	Toán
		ThS. Trần Thị Phong Thanh	Toán
		ThS. Nguyễn Thị Huyền	Toán

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Nguyễn Thị Sơn	Toán
10	Toán cao cấp 2	TS. Nguyễn Thị Nga	Toán
		ThS. Nguyễn Thị Thu Hương	Toán
		ThS. Phạm Thị Tuyết Nhung	Toán
		ThS. Trần Thị Phong Thanh	Toán
		ThS. Nguyễn Thị Sơn	Toán
11	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TS. Nguyễn Thị Nga	Toán
		ThS. Nguyễn Thị Thu Hương	Toán
		ThS. Phạm Thị Tuyết Nhung	Toán
		ThS. Trần Thị Phong Thanh	Toán
		ThS. Nguyễn Thị Sơn	Toán
12	Pháp luật đại cương	ThS. Trần Thị Lan Anh	Luật
		ThS. Khuất Thị Thu Hiền	Luật
		ThS. Đào Xuân Hội	Luật
		TS. Nguyễn Thanh Huyền	Luật
		ThS. Vũ Thị Thanh Huyền	Luật
		ThS. Vũ Thị Lan Hương	Luật
		ThS. Trần Thị Mai Loan	Luật
		ThS. Nguyễn Duy Phương	Luật
		ThS. Trần Đức Thắng	Luật
		ThS. Trần Kiều Trang	Luật
		ThS. Phạm Kim Thoa	Luật
		ThS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	Luật
13	<i>Giáo dục thể chất</i>	ThS. Nguyễn Huy Khôi	Thể dục thể thao
		ThS. Phạm Đức Long	Thể dục thể thao
		CN. Nguyễn Ngọc Liên	Thể dục thể thao
		Nguyễn Đức Toàn	Thể dục thể thao
		ThS. Lê Thị Thu Hương	Thể dục thể thao
		ThS. Hoàng Thị Hương	Thể dục thể thao
		ThS. Nguyễn T. Ngọc Linh	Thể dục thể thao
		ThS. Nguyễn Thị Hường	Thể dục thể thao
		CN. Vũ Tùng Vân	Thể dục thể thao
		ThS. Lê Thị Chung Hiếu	Thể dục thể thao
		ThS. Bùi Như Ý	Thể dục thể thao
		ThS. Lê Văn Thuần	Thể dục thể thao

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		CN. Bùi Doãn Thao	Thể dục thể thao
14	<i>Giáo dục quốc phòng - An ninh</i>	Trung tâm GDQP do Bộ GD &ĐT phân luồng	
	Các học phần tự chọn		
15	Soạn thảo văn bản	ThS. Lê Xuân Cử ThS. Đỗ Xuân Đán ThS. Đào Xuân Hội ThS. Vũ Thị Thanh Huyền ThS. Vũ Thị Lan Hương CN. Đinh Thị Hường	Hành chính công Thư viện Luật Luật Luật Văn học
16	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	ThS. Đào Mai Phuoc TS. Nguyễn T Giáng Hương TS. Vũ Thị Phương Mai TS. Phạm Thị Thủy	Kinh tế chính trị Triết học Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị
17	Logic học	ThS. Vũ Sĩ Đoàn ThS. Nguyễn Thị Thu ThS. Đặng Thị Hồng Vi	Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị
18	Tâm lý học đại cương	TS. Tiêu Thị Minh Hường TS. Nguyễn Thị Hương ThS. Nguyễn Thị Hiền ThS. Đỗ Thị An ThS. Nguyễn Hữu Hùng ThS. Lê Thị Thủy	Tâm lý xã hội Tâm lý xã hội Tâm lý xã hội Tâm lý giáo dục Quản lý TT Công tác xã hội

10.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp : 98 tín chỉ

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
	Kiến thức cơ sở khối ngành		
19	Kinh tế vi mô	TS. Trần Văn Hòe ThS. Tô Thị Phượng ThS. Mai Thị Anh Đào ThS. Đỗ Thị Mỹ Trang ThS. Nguyễn Thị Vân Anh ThS. Nguyễn Thị Phương Lan ThS. Trần Thị Kim Nhung ThS. Trần Thị Hạnh	Kinh tế Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Đỗ Thu Hương ThS. Lê Thị Thu Trang ThS. Đỗ Thị Thúy ThS. Phạm Linh Giang ThS. Lưu Thị Duyên	Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Luật
22	Luật Kinh tế	ThS. Trần Thị Lan Anh ThS. Khuất Thị Thu Hiền ThS. Đào Xuân Hội TS. Nguyễn Thanh Huyền ThS. Vũ Thị Lan Hương ThS. Nguyễn Duy Phương ThS. Phạm Kim Thoa ThS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	Luật Luật Luật Luật Luật Luật Luật Luật
23	Marketing căn bản	TS. Trần Văn Hòe ThS. Phan Thành Hưng ThS. Nguyễn Thị Thu Hương ThS. Nguyễn Thị Thu Hà ThS. Nguyễn Đức Mạnh	Kinh tế Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD
	Kiến thức cơ sở ngành		
24	Tài chính - Tiền tệ	ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh ThS. Ninh Thị Thúy Ngân ThS. Hoàng Thị Thu Trang ThS. Lương Thị Huyền ThS. Đặng Thùy Giang ThS. Nguyễn Thế Tuyên ThS. Lê Quang Trung	Kế toán - TC Kế toán - TC
25	Nguyên lý kế toán 1	TS. Phan Thị Thu Mai ThS. Nguyễn Thị Thanh Nga ThS. Vũ Thị Thê ThS. Nguyễn Thị Nga ThS. Nguyễn Văn Thủ ThS. Trần Thị Thu Thủy ThS. Hoàng Khánh Vân ThS. Phạm Thị Thanh Hòa ThS. Lê Thị Hương Trâm	Kế toán TC Kế toán TC

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Nguyễn Thu Thảo PGS, TS. Nghiêm Văn Lợi TS. Bùi Thị Ngọc	Kế toán Kế toán TC Kế toán TC
26	Nguyên lý kế toán 2	TS. Phan Thị Thu Mai	Kế toán TC
		ThS. Nguyễn Thị Thanh Nga	Kế toán TC
		ThS. Vũ Thị Thê	Kế toán TC
		ThS. Nguyễn Thị Nga	Kế toán TC
		ThS. Nguyễn Văn Thụ	Kế toán TC
		ThS. Trần Thị Thu Thủy	Kế toán TC
		ThS. Hoàng Khánh Vân	Kế toán TC
		ThS. Phạm Thị Thanh Hòa	Kế toán TC
		ThS. Lê Thị Hương Trâm	Kế toán TC
		ThS. Nguyễn Thu Thảo PGS, TS. Nghiêm Văn Lợi TS. Bùi Thị Ngọc	Kế toán Kế toán TC Kế toán TC
27	Luật lao động	ThS. Khuất Thị Thu Hiền	Luật
		ThS. Đào Xuân Hội	Luật
		ThS. Vũ Thị Thanh Huyền	Luật
		TS. Nguyễn Thanh Huyền	Luật
		ThS. Trần Thị Mai Loan	Luật
		ThS. Trần Đức Thắng	Luật
		ThS. Trần Kiều Trang	Luật
		ThS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	Luật
28	Quản trị doanh nghiệp	ThS. Nguyễn Cẩm Bình	Quản trị KD
		TS. Hoàng Thanh Tùng	Kinh tế NT
		TS. Nguyễn Thị Anh Trâm	Quản trị KD
		ThS. Lê Thị Hải Hà	Quản trị KD
		ThS. Nguyễn Thị Hường	Quản trị KD
		ThS. Hà Thị Phương Thảo	Quản trị KD
		ThS. Phạm Thị Thúy Vân	Quản trị KD
29	Quản trị tài chính doanh nghiệp	TS. Vũ Thị Thanh Thủy	Kế toán - TC
		ThS. Vũ Thùy Linh	Kế toán - TC
		ThS. Phạm Ngọc Lan	Kế toán - TC
		ThS. Ngô Thị Minh	Kế toán - TC
		ThS. Nguyễn Đức Bình	Kế toán - TC

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Vũ Thị Thu Nga	Kế toán - TC
		ThS. Trần Thị Hương	Kế toán - TC
		ThS. Phạm Thị Huyền	Kế toán - TC
		ThS. Doãn Hoàng Liên	Kế toán - TC
		ThS. Ng. Thị Huyền Trang	Kế toán - TC
30	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh ThS. Ninh Thị Thúy Ngân ThS. Lương Thị Huyền ThS. Đặng Thùy Giang ThS. Nguyễn Thế Tuyên	Kế toán - TC Kế toán - TC Kế toán - TC Kế toán - TC Kế toán - TC
	Các học phần tự chọn		
31	Kinh tế lượng	TS. Nguyễn Thị Nga ThS. Nguyễn Thị Thu Hương ThS. Phạm Thị Tuyết Nhung ThS. Trần Thị Phong Thanh ThS. Nguyễn Thị Sơn	Toán Toán Toán Toán Toán
		ThS. Nguyễn T.Thu Hương ThS. Phạm Thị Thu Thủy	Quản trị KD Quản trị KD
		TS. Tiêu Thị Minh Hường TS. Nguyễn Thị Hương ThS. Nguyễn Thị Hiền ThS. Đỗ Thị An ThS. Nguyễn Hữu Hùng ThS. Lê Thị Thủy ThS. Thành Thu Trang	Tâm lý xã hội Tâm lý xã hội Tâm lý xã hội Tâm lý giáo dục Quản lý TT Công tác xã hội Công tác xã hội
		ThS. Trần Thị Lan Anh ThS. Vũ Thị Lan Hương ThS. Nguyễn Duy Phương ThS. Trần Kiều Trang ThS. Phạm Kim Thoa	Luật Luật Luật Luật Luật
	Kiến thức ngành		
	Các học phần bắt buộc		
35	Kế toán tài chính 1	ThS. Trương Đức Định TS. Lê Thị Thanh Hương TS. Bùi Thị Ngọc	Kế toán - TC Kế toán - TC Kế toán - TC

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Đỗ Đức Tài ThS. Ngô Quang Hùng ThS. Tô Thị Thu Trang ThS. Trần Thị Hương TS. Trần Thị Dự ThS. Nguyễn Thị Thúy Ngà ThS. Tạ Thị Thúy Hằng ThS. Đoàn Thị Nguyệt Ngọc ThS. Nguyễn Hoài Anh ThS. Mai Thị Nga ThS. Mai Thị Hà ThS. Nguyễn Thúy Vinh ThS. Trần Thị Kim Chi CN. Vũ Thị Ngọc Huyền ThS. Ngọ Thị Thu Giang	Kế toán - TC Kế toán - TC
36	Kế toán tài chính 2	ThS. Trương Đức Định TS. Lê Thị Thanh Hương TS. Bùi Thị Ngọc ThS. Đỗ Đức Tài ThS. Ngô Quang Hùng ThS. Tô Thị Thu Trang ThS. Trần Thị Hương TS. Trần Thị Dự ThS. Nguyễn Thị Thúy Ngà ThS. Tạ Thị Thúy Hằng ThS. Đoàn Thị Nguyệt Ngọc ThS. Nguyễn Hoài Anh ThS. Mai Thị Nga ThS. Mai Thị Hà ThS. Nguyễn Thúy Vinh ThS. Trần Thị Kim Chi CN. Vũ Thị Ngọc Huyền ThS. Ngọ Thị Thu Giang	Kế toán - TC Kế toán - TC
37	Tổ chức kế toán	ThS. Trương Đức Định TS. Lê Thị Thanh Hương	Kế toán - TC Kế toán - TC

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		TS. Bùi Thị Ngọc TS. Trần Thị Dự ThS. Nguyễn Thị Thúy Ngà ThS. Đỗ Đức Tài ThS. Tạ Thị Thúy Hằng ThS. Đoàn Thị Nguyệt Ngọc ThS. Ngô Quang Hùng ThS. Nguyễn Hoài Anh ThS. Tô Thị Thu Trang ThS. Mai Thị Nga ThS. Mai Thị Hà ThS. Nguyễn Thúy Vinh ThS. Trần Thị Kim Chi CN. Vũ Thị Ngọc Huyền ThS. Ngô Thị Thu Giang ThS. Trần Thị Hương TS. Phan Thị Thu Mai ThS. Nguyễn Thị Thanh Nga ThS. Vũ Thị Thê	Kế toán - TC Kế toán - TC
38	Kế toán quản trị	PGS, TS. Nghiêm Văn Lợi TS. Lê Thị Tú Oanh ThS. Tô Thị Ngọc Lan ThS. Trần Thị Thu Hà ThS. Nguyễn Quốc Hưng ThS. Trần Anh Quang ThS. Nguyễn Thị Linh ThS. Cao Mai Quỳnh ThS. Đoàn Thị Quỳnh Anh	Kế toán - TC Kế toán - TC
39	Kế toán Hành chính sự nghiệp I	TS. Phan Thị Thu Mai ThS. Nguyễn Thị Thanh Nga ThS. Vũ Thị Thê ThS. Trần Thị Thu Thủy ThS. Nguyễn Văn Thủ ThS. Nguyễn Thị Nga ThS. Phạm Thị Thanh Hòa	Kế toán - TC Kế toán - TC

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Lê Thị Hương Trầm ThS. Hoàng Khánh Vân ThS. Nguyễn Thị Thu Thảo TS. Lê Thị Thanh Hương ThS. Vũ Văn Thoại ThS. Đỗ Thị Thanh Hoa ThS. Phùng Thị Hường	Kế toán - TC Kế toán - TC
40	Kế toán Hành chính sự nghiệp 2	TS. Phan Thị Thu Mai ThS. Nguyễn Thị Thanh Nga ThS. Vũ Thị Thê ThS. Trần Thị Thu Thủy ThS. Nguyễn Văn Thụ ThS. Nguyễn Thị Nga ThS. Phạm Thị Thanh Hòa ThS. Lê Thị Hương Trầm ThS. Hoàng Khánh Vân ThS. Nguyễn Thị Thu Thảo TS. Lê Thị Thanh Hương ThS. Vũ Văn Thoại ThS. Đỗ Thị Thanh Hoa ThS. Phùng Thị Hường	Kế toán - TC Kế toán - TC
41	Kiểm toán căn bản		
42	Phân tích báo cáo tài chính	TS. Vũ Thị Thanh Thủy ThS. Trần Thị Hương ThS. Phạm Ngọc Lan ThS. Ngô Thị Minh ThS. Doãn Hoàng Liên	Kế toán - TC Kế toán - TC Kế toán - TC Kế toán - TC Kế toán - TC
43	Kế toán thuế	PGS, TS. Nghiêm Văn Lợi TS. Lê Thị Tú Oanh ThS. Tô Thị Ngọc Lan ThS. Trần Thị Thu Hà ThS. Nguyễn Quốc Hưng ThS. Trần Anh Quang ThS. Nguyễn Thị Linh ThS. Cao Mai Quỳnh	Kế toán - TC Kế toán - TC

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
44	Kế toán quốc tế	ThS. Trương Đức Định	Kế toán - TC
		TS. Lê Thị Thanh Hương	Kế toán - TC
		TS. Bùi Thị Ngọc	Kế toán - TC
		ThS. Đỗ Đức Tài	Kế toán - TC
		ThS. Ngô Quang Hùng	Kế toán - TC
		ThS. Tô Thị Thu Trang	Kế toán - TC
		ThS. Trần Thị Hương	Kế toán - TC
		TS. Trần Thị Dự	Kế toán - TC
		ThS. Nguyễn Thị Thúy Ngà	Kế toán - TC
		ThS. Tạ Thị Thúy Hằng	Kế toán - TC
		ThS. Đoàn Thị Nguyệt Ngọc	Kế toán - TC
		ThS. Nguyễn Hoài Anh	Kế toán - TC
		ThS. Mai Thị Nga	Kế toán - TC
		ThS. Mai Thị Hà	Kế toán - TC
45	Kế toán máy	ThS. Nguyễn Thúy Vinh	Kế toán - TC
		ThS. Trần Thị Kim Chi	Kế toán - TC
		CN. Vũ Thị Ngọc Huyền	Kế toán - TC
		ThS. Ngọ Thị Thu Giang	Kế toán - TC
		TS. Bùi Thị Ngọc	Kế toán - TC
		TS. Trần Thị Dự	Kế toán - TC
		ThS. Trần Thị Hương	Kế toán - TC
		ThS. Mai Thị Nga	Kế toán - TC
		ThS. Mai Thị Hà	Kế toán - TC
		ThS. Tạ Thị Thúy Hằng	Kế toán - TC
		ThS. Ngô Quang Hùng	Kế toán - TC
		ThS. Ngọ Thị Thu Giang	Kế toán - TC
		ThS. Nguyễn Hoài Anh	Kế toán - TC
		CN. Vũ Thị Ngọc Huyền	Kế toán - TC
		ThS. Nguyễn Thúy Vinh	Kế toán - TC
		ThS. Trương Đức Định	Kế toán - TC
		TS. Lê Thị Thanh Hương	Kế toán - TC
		ThS. Nguyễn Thị Thúy Ngà	Kế toán - TC
		ThS. Đỗ Đức Tài	Kế toán - TC
		ThS. Đoàn Thị Nguyệt Ngọc	Kế toán - TC
		ThS. Trần Thị Kim Chi	Kế toán - TC

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
46	Hệ thống thông tin kế toán	ThS. Trương Đức Định TS. Lê Thị Thanh Hương TS. Bùi Thị Ngọc TS. Trần Thị Dự ThS. Nguyễn Thị Thúy Ngà ThS. Đỗ Đức Tài ThS. Tạ Thị Thúy Hằng ThS. Đoàn Thị Nguyệt Ngọc ThS. Ngô Quang Hùng ThS. Nguyễn Hoài Anh ThS. Tô Thị Thu Trang ThS. Mai Thị Nga ThS. Mai Thị Hà ThS. Nguyễn Thúy Vinh ThS. Trần Thị Kim Chi CN. Vũ Thị Ngọc Huyền ThS. Ngô Thị Thu Giang ThS. Trần Thị Hương	Kế toán - TC Kế toán - TC
47	Lý thuyết tổ chức	ThS. Hà Thị Phương Thảo ThS. Mai Thị Anh Đào	Quản trị KD Quản trị KD
48	Thống kê doanh nghiệp	ThS. Ngô Anh Cường ThS. Đỗ Thu Hương ThS. Lê Thị Thu Trang ThS. Phạm Ngọc Yên TS. Nguyễn Lê Anh ThS. Lưu Thị Duyên ThS. Phạm Linh Giang ThS. Đỗ Thị Thuý	Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Thống kê Kinh tế Kinh tế Kinh tế
49	Nguyên lý tiền lương	PGS, TS. Lê Thanh Hà TS. Đỗ Thị Tươi TS. Đoàn Thị Yến TS. Vũ Hồng Phong TS. Trần Thị Minh Phương ThS. Nguyễn Thị Cẩm Nhung ThS. Vũ T. Ánh Tuyết83	Kinh tế lao động Kinh tế lao động

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Ngô Thị Hồng Nhung ThS. Trương Thị Tâm ThS. Vũ Thị Ánh Tuyết80 ThS. Nguyễn Thị Hồng88 ThS. Lê Thúy Hằng	Quản trị NL Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế lao động Kinh tế
50	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	ThS. Phan Thị Mai Hương ThS. Phạm Thị Liễu ThS. Trần Thị Thu Hằng ThS. Trương Thị Thuý ThS. Nguyễn Thị Lan Anh ThS. Triệu Thị Trang ThS. Đào Thị Thu Hương ThS. Cao Thị Huyền Nga	Anh văn Anh văn Anh văn Anh văn Anh văn Anh văn Anh văn Anh văn
51	Kiểm soát nội bộ Học phần lựa chọn Nhóm 1 (lựa chọn 1 trong 2 học phần sau)		
52	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	TS. Hoàng Bích Hồng ThS. Phạm Đỗ Dũng ThS. Phạm Hải Hưng ThS. Nguyễn Thị Vân Anh ThS. Trịnh Khánh Chi ThS. Hoàng Minh Tuấn ThS. Lê Thị Xuân Hương ThS. Vũ Thị Hồng Nết ThS. Bùi Thị Thu Hà ThS. Hà Thị Nhung ThS. Phạm Đức Trọng	Kinh tế bảo hiểm Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế bảo hiểm Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế Kinh tế
53	Nhập môn quản trị nhân lực	PGS, TS. Lê Thanh Hà TS. Phạm Ngọc Thành TS. Nguyễn Thị Hồng ThS. Đào T. Thanh Trà TS. Vũ Hồng Phong ThS. Đào Phương Hiền ThS. Cán Hữu Dạn	Kinh tế lao động Kinh tế lao động

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Nguyễn T. Thu Hà ThS. Nguyễn T.Ngọc Anh ThS. Dương T.T Hường ThS. NguyễnT.ÁnhTuyết ThS. Lê Quang Anh ThS. Lê Trung Hiếu ThS. Mai Thị Khôi Linh	Kinh tế lao động Kinh tế lao động Quản trị KD Kinh tế lao động Quản trị KD Quản trị NL Kinh tế
	Nhóm 2 (chọn 3 trong các học phần sau)		
54	Kế toán công ty cổ phần	ThS. Trương Đức Định TS. Lê Thị Thanh Hương TS. Bùi Thị Ngọc TS. Trần Thị Dự ThS. Nguyễn Thị Thúy Ngà ThS. Đỗ Đức Tài ThS. Tạ Thị Thúy Hằng ThS. Đoàn Thị Nguyệt Ngọc ThS. Ngô Quang Hùng ThS. Nguyễn Hoài Anh ThS. Tô Thị Thu Trang ThS. Mai Thị Nga ThS. Mai Thị Hà ThS. Nguyễn Thúy Vinh ThS. Trần Thị Kim Chi CN. Vũ Thị Ngọc Huyền ThS. Ngô Thị Thu Giang ThS. Trần Thị Hương	Kế toán - TC Kế toán - TC
55	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	ThS. Trương Đức Định TS. Lê Thị Thanh Hương TS. Bùi Thị Ngọc TS. Trần Thị Dự ThS. Nguyễn Thị Thúy Ngà ThS. Đỗ Đức Tài ThS. Tạ Thị Thúy Hằng ThS. Đoàn Thị Nguyệt Ngọc	Kế toán - TC Kế toán - TC

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Ngô Quang Hùng ThS. Nguyễn Hoài Anh ThS. Tô Thị Thu Trang ThS. Mai Thị Nga ThS. Mai Thị Hà ThS. Nguyễn Thúy Vinh ThS. Trần Thị Kim Chi CN. Vũ Thị Ngọc Huyền ThS. Ngọ Thị Thu Giang ThS. Trần Thị Hương	Kế toán - TC Kế toán - TC
56	Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ	ThS. Trương Đức Định TS. Lê Thị Thanh Hương TS. Bùi Thị Ngọc TS. Trần Thị Dự ThS. Nguyễn Thị Thúy Ngà ThS. Đỗ Đức Tài ThS. Tạ Thị Thúy Hằng ThS. Đoàn Thị Nguyệt Ngọc ThS. Ngô Quang Hùng ThS. Nguyễn Hoài Anh ThS. Tô Thị Thu Trang ThS. Mai Thị Nga ThS. Mai Thị Hà ThS. Nguyễn Thúy Vinh ThS. Trần Thị Kim Chi CN. Vũ Thị Ngọc Huyền ThS. Ngọ Thị Thu Giang ThS. Trần Thị Hương	Kế toán - TC Kế toán - TC
57	Kế toán ngân sách	TS. Phan Thị Thu Mai ThS. Nguyễn Thị Thanh Nga ThS. Vũ Thị Thê ThS. Nguyễn Thị Nga ThS. Nguyễn Văn Thụ ThS. Trần Thị Thu Thủy ThS. Hoàng Khánh Vân	Kế toán - TC Kế toán - TC

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Phạm Thị Thanh Hòa ThS. Lê Thị Hương Trầm ThS. Nguyễn Thu Thảo	Kế toán - TC Kế toán - TC Kế toán - TC
58	Thị trường chứng khoán	TS. Vũ Thị Thanh Thủy ThS. Ngô Thị Minh ThS. Nguyễn Đức Bình ThS. Vũ Thị Thu Nga ThS. Trần Thị Hương	Kế toán - TC Kế toán - TC Kế toán - TC Kế toán - TC Kế toán - TC
59	Kế toán tập đoàn	ThS. Trương Đức Định TS. Lê Thị Thanh Hương TS. Bùi Thị Ngọc ThS. Đỗ Đức Tài ThS. Ngô Quang Hùng ThS. Tô Thị Thu Trang ThS. Trần Thị Hương TS. Trần Thị Dự ThS. Nguyễn Thị Thúy Ngà ThS. Tạ Thị Thúy Hằng ThS. Đoàn Thị Nguyệt Ngọc ThS. Nguyễn Hoài Anh ThS. Mai Thị Nga ThS. Mai Thị Hà ThS. Nguyễn Thúy Vinh ThS. Trần Thị Kim Chi CN. Vũ Thị Ngọc Huyền ThS. Ngô Thị Thu Giang	Kế toán - TC Kế toán - TC
60	Tín dụng và thanh toán	ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh ThS. Ninh Thị Thúy Ngân ThS. Hoàng Thị Thu Trang ThS. Lương Thị Huyền ThS. Đặng Thùy Giang ThS. Nguyễn Thé Tuyên ThS. Lê Quang Trung	Kế toán - TC Kế toán - TC
Thực tập tốt nghiệp			
Khóa luận tốt nghiệp			

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
61	Hệ thống kiểm soát quản trị	PGS, TS. Nghiêm Văn Lợi	Kế toán - TC
		ThS. Lê Thị Tú Oanh	Kế toán - TC
		ThS. Tô Thị Ngọc Lan	Kế toán - TC
		ThS. Trần Thị Thu Hà	Kế toán - TC
		ThS. Nguyễn Quốc Hưng	Kế toán - TC
		ThS. Trần Anh Quang	Kế toán - TC
		ThS. Nguyễn Thị Linh	Kế toán - TC
		ThS. Cao Mai Quỳnh	Kế toán - TC
62	Kiểm toán tài chính	ThS. Đào Mạnh Huy	Kế toán - TC
		ThS. Đào Thúy Hà	Kế toán - TC
		ThS. Vũ Kim Dương	Kế toán - TC
		ThS. Đỗ Thị Lan Anh	Kế toán - TC
		ThS. Nguyễn Minh Trang	Kế toán - TC
		ThS. Đoàn Tất Thành	Kế toán - TC

11. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

11.1. Thiết bị phục vụ học tập

Trường đại học Lao động - Xã hội có 03 cơ sở đào tạo (tại Hà Nội, tại Sơn Tây và tại Thành phố Hồ Chí Minh) với tổng diện tích 10,6ha. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được đầu tư đồng bộ và nâng cấp hàng năm để đáp ứng đủ tiêu chuẩn của một cơ sở đào tạo đại học. Hiện nay tại 3 cơ sở trường có 155 phòng học lý thuyết với diện tích trung bình từ 80 đến 100m², 16 phòng thực hành các loại, 16 phòng máy tính với tổng số gần 700 máy tính được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ cho việc dạy và học.

Thiết bị phục vụ đào tạo

STT	Tên thiết bị, cơ sở vật chất	Năm sản xuất	Số lượng	Ghi chú
I. Phòng máy tính				
1	Phòng máy tính E202.T2			
1.1	Máy tính FPT	2015	41	Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
1.2	Máy chiếu CPX4015	2014	1	
1.3	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
2	Phòng máy tính E302.T3			Tin học cơ bản; Tin học

STT	Tên thiết bị, cơ sở vật chất	Năm sản xuất	Số lượng	Ghi chú
2.1	Máy tính FPT	2015	41	chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
2.2	Máy chiếu CPX4015	2014	1	
	Điều hòa Daikin 44.500			
2.3	BTU	2003	1	
3	Phòng máy tính E403			
3.1	Máy tính CMS	2013	41	Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
3.2	Máy chiếu	2013	1	
3.3	Amply + loa + míc	2013	1	
	Điều hòa Daikin 12.000			
3.4	BTU	2013	2	
3.5	Ổn áp lioa	2013	1	
4	Phòng máy tính E404			
4.1	Máy tính CMS	2013	41	Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
4.2	Máy chiếu	2013	1	
4.3	Amply + loa + míc	2013	1	
	Điều hòa Daikin 12.000			
4.4	BTU	2013	2	
4.5	Ổn áp lioa	2013	1	
5	Phòng máy tính E404.T4			
5.1	Máy tính CMS	2013	41	Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
5.2	Máy chiếu 3M	2009	1	
	Điều hòa Daikin 44.500			
5.3	BTU	2003	1	
6	Phòng máy tính E501			
6.1	Máy tính CMS	2013	41	Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
6.2	Máy chiếu 3M	2009	1	
	Điều hòa Daikin 44.500			
6.3	BTU	2003	1	
7	Phòng máy tính E502			
7.1	Máy tính DNA	2006	16	Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
7.2	Máy tính FPT	2014	24	
7.3	Máy chiếu Hitachi	2014	1	
7.4	Điều hòa Daikin 44.500	2003	1	

STT	Tên thiết bị, cơ sở vật chất	Năm sản xuất	Số lượng	Ghi chú
	BTU			
8	<i>Phòng máy tính E503A</i>			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
8.1	Máy tính DNA	2009	13	
8.2	Máy tính DNA	2010	10	
8.3	Máy tính DNA	2011	28	
8.4	Máy chiếu CPX4015	2014	1	
8.5	Điều hòa Daikin 44.500			
8.5	BTU	2003	1	
9	<i>Phòng máy tính E503B</i>			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
9.1	Máy tính DNA	2009	40	
9.2	Máy tính DNA	2006	1	
9.3	Máy chiếu Panasonic	2009	1	
9.4	Điều hòa Daikin	2003	1	
II. Phòng LAP				
1	<i>Phòng LAP E401</i>			Tiếng anh Cơ bản; Tiếng Anh chuyên ngành; Thực hành TOEIC, ...
1.1	Máy tính FPT	2013	36	
1.2	Tai nghe	2013	36	
1.3	Điều hòa Daikin	2003	1	
2	<i>Phòng LAP E402</i>			
1.1	Máy tính FPT	2013	36	
1.2	Tai nghe	2013	36	
1.3	Điều hòa Daikin	2003	1	
III. Thiết bị phòng học				
1	Amply + loa + míc	2014	7	Các học phần còn lại
2	Amply + loa + míc	2013	33	
3	Amply + loa + míc	2010	5	
4	Amply + loa + míc	2009	10	
5	Amply + loa + míc	2008	1	
6	Amply + loa + míc	2007	1	
7	Amply + loa + míc	2005	3	
8	Amply + loa + míc	2003	7	
9	Máy tính giáo viên	2013	15	
10	Máy tính giáo viên	2009	2	

STT	Tên thiết bị, cơ sở vật chất	Năm sản xuất	Số lượng	Ghi chú
11	Máy tính giáo viên	2008	10	
12	Máy chiếu	2015	8	
13	Máy chiếu	2013	14	
14	Máy chiếu	2009	2	
15	Máy chiếu	2008	3	

11.2. Thư viện

Thư viện tại 3 cơ sở có phòng đọc đảm bảo 1500 chỗ ngồi, với hơn 100.000 đầu sách và hàng trăm loại báo chí chuyên ngành phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên.

Danh sách giáo trình, sách sử dụng cho học tập và nghiên cứu:

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
1	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin P1	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Q1	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2012
		Tài liệu hướng dẫn ôn tập Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin. Phần I	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Lao động xã hội	2012
2	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin P2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Dùng cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2012
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, (Dành cho sinh viên đại học cao đẳng khối không chuyên ngành Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ	Bộ Giáo dục và đào tạo	Chính trị quốc gia	2013

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		Chí Minh [Q1]			
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2012
5	Tiếng Anh cơ bản 1	Clive Oxeden et.al. New English Files Pre-intermediate- Student book. www.oup.com/elt/englishfile/elementary .	Oxford University Press		2004
		Clive Oxeden et.al. New English Files Pre-intermediate - Workbook...	Oxford University Press		2004
6	Tiếng Anh cơ bản 2	Clive Oxeden et.al. New English Files Pre-intermediate- Student book. www.oup.com/elt/englishfile/elementary .	Oxford University Press		2004
		Clive Oxeden et.al. New English Files Pre-intermediate - Workbook...	Oxford University Press		2004
7	Tin học cơ bản 1	Giáo trình Tin học cơ bản 1	Nguyễn Thị Sinh Chi	Lao động Xã hội	2012
8	Tin học cơ bản 2	Bài giảng Tin học cơ bản 2	Nguyễn Thị Sinh Chi	Lao động Xã hội	2010
9	Toán cao cấp 1	Bài giảng Toán Cao cấp	Nguyễn Thị Sơn	Lao động Xã hội	2009
		Bài tập Toán cao cấp	Nguyễn Thị Sơn	Lao động Xã hội	2008
10	Toán cao cấp 2	Bài giảng Toán Cao	Nguyễn Thị Sơn	Lao động	2009

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		cấp		Xã hội	
		Bài tập Toán cao cấp	Nguyễn Thị Sơn	Lao động Xã hội	2008
11	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Bài giảng Lý thuyết xác suất thống kê toán	Nguyễn Thu Hương	Lao động Xã hội	2009
		Hướng dẫn giải bài tập xác suất thống kê	Trần Thị Thu Hương	Lao động Xã hội	2010
12	Pháp luật đại cương	Tập bài giảng Pháp luật đại cương	ThS. Trần Thu Thủy và ThS. Đào Xuân Hội	Lao động Xã hội	2011
		Bộ câu hỏi và bài tập Pháp luật đại cương	ThS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	Lao động Xã hội	2009
13	Giáo dục thể chất				
14	Giáo dục quốc phòng				
15	Soạn thảo văn bản	Giáo trình Soạn thảo văn bản	ThS. Phạm Hải Hưng	Lao động Xã hội	2011
		Bộ văn bản mẫu và bài tập soạn thảo văn bản	ThS. Phạm Hải Hưng	Lao động Xã hội	2011
16	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Giáo dục Việt Nam, Hà Nam.	2012
17	Lôgic học	Giáo trình Logic học đại cương, Q1	Nguyễn Như Hải	Giáo dục	2009
18	Tâm lý học đại cương	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	ĐHQG HN	2010
		Tâm lý học đại cương	Nguyễn Xuân Thúc	ĐHQG HN	2005
		Tâm lý học tập 1	Phạm Minh Hạc, Lê Khanh, Trần Trọng Thủy	Giáo dục	1989
		Cơ sở Tâm lý học ứng dụng	Đặng Phương Kiệt	ĐHQG HN	2001

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		Tâm lý học đại cương	Lý Thị Hàm	Lao động Xã hội	2010
		Bài Tập thực hành Tâm lý học	Trần Trọng Thủy	ĐHQG HN	
19	Kinh tế vi mô	Bài giảng Nguyên lý Kinh tế vi mô	TS. Lương Xuân Dương và TS. Trần Văn Hòe	Lao động Xã hội	2012
		Bài tập Kinh tế vi mô	TS. Lương Xuân Dương	Lao động Xã hội	2010
20	Kinh tế vĩ mô	Giáo trình nguyên lý Kinh tế vĩ mô	Nguyễn Văn Công (chủ biên)	NXB Lao động	2012
		Bài tập kinh tế vĩ mô	Lương Xuân Dương (chủ biên)	Lao động Xã hội	2012
21	Nguyên lý thống kê	Giáo trình nguyên lý thống kê	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Lao động Xã hội	
22	Luật Kinh tế	Đề cương chi tiết môn Luật kinh tế	Khoa Luật, Đại học Lao động – Xã hội		
		Bộ câu hỏi và bài tập Luật kinh tế	ThS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	Lao động Xã hội	2010
23	Marketing căn bản	Marketing Căn bản	Trần Minh Đạo	Đại học Kinh tế Quốc dân	2012
		Marketing Căn bản	Phillip Kotler	Lao động Xã hội	2007
		Những nguyên lý tiếp thị	Philip Kotler	NXB Thống kê	2000
24	Tài chính - Tiền tệ	Giáo trình Tài chính - Tiền tệ Trường Đại học Lao động xã hội.,.	Nguyễn Văn Định	Nhà xuất bản Tài chính	2007
		Tiền và hoạt động ngân hàng,	Lê Vinh Danh	Nhà xuất bản Giao	2009

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
				thông vận tải.	
		Giáo trình Tiền tệ ngân hang,	Nguyễn Minh Kiều	Nhà xuất bản Thống kê.	2006
25	Nguyên lý kế toán 1	Giáo trình Nguyên lý kế toán, Nhà xuất bản tài chính, 2010.	PG PGS.TS. Nghiêm Văn Lợi	Nhà xuất bản tài chính	2010
		Bài tập Nguyên lý kế toán	PGS.TS. Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2010
		Giáo trình Nguyên lý kế toán	PGS.TS. Đoàn Xuân Tiên	Nhà xuất bản Tài chính	2009
26	Nguyên lý kế toán 2	Giáo trình Nguyên lý kế toán	PGS.TS. Nghiêm Văn Lợi	Nhà xuất bản tài chính	2010
		Bài tập Nguyên lý kế toán	PGS.TS. Nghiêm Văn Lợi	Nhà xuất bản tài chính	2010
		Bài tập do giáo viên cung cấp		Khoa Kế toán	2017
		Tài liệu dịch Nguyên lý kế toán	Trường Đại học Lao động – Xã hội	Trường Đại học Lao động – Xã hội	2016
27	Luật lao động	Giáo trình Luật lao động	ThS. Khuất Thị Thu Hiền	Lao động xã hội	2015
		Bộ luật lao động của nước CHXHCN Việt Nam 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành	Quốc hội và Chính phủ		2012
		Bộ câu hỏi và bài tập	ThS. Khuất Thị	Lao động	2015

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		Luật lao động	Thu Hiền	xã hội	
28	Quản trị doanh nghiệp	Quản trị kinh doanh	GS.TS. Nguyễn Thành Đô - PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền	ĐH Kinh tế quốc dân	2011
		Bài tập thực hành Quản trị Kinh doanh	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền	ĐH Kinh tế quốc dân	2011
29	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Giáo trình Quản trị tài chính doanh nghiệp	Trường Đại học Lao động-Xã hội	Nhà xuất bản tài chính	2007
		Câu hỏi và bài tập Quản trị Tài chính doanh nghiệp	Trường Đại học Lao động-Xã hội	Nhà xuất bản tài chính	2011
		Quản trị tài chính	Eugene F.Brigham, Joe F. Houston	Đại học Florida	
		Giáo trình Tài chính doanh nghiệp	PGS.TS. Lưu Thị Hương	Nhà xuất bản Thống kê	2003
		Giáo trình Tài chính doanh nghiệp	PGS. TS. Nguyễn Đình Kiệm, TS. Bạch Đức Hiển	Nhà xuất bản tài chính	2011
30	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	Giáo trình Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	Nghiêm Văn Lợi	Nhà xuất bản tài chính	2008
		Đề cương học phần Quản trị tài chính đơn vị hành chính –sự nghiệp	Bộ môn Tài chính quốc tế	Khoa kế toán	2008
31	Kinh tế lượng	Giáo trình Kinh tế lượng	GS-TS. Nguyễn Quang Đông và TS. Nguyễn Thị	Đại học Kinh tế Quốc dân	2012

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
			Minh		
		Tài liệu do giảng viên biên soạn			
		Basic Econometrics-Fourth Edition	Damodar N. Gujarati	McGraw-Hill Inc	2004
32	Văn hóa doanh nghiệp	Giáo trình Văn hóa kinh doanh	Dương Thị Liễu	Đại học Kinh tế Quốc Dân	2013
		Giáo trình Văn hóa doanh nghiệp	Đỗ Thị Phi Hoài	Học viện Tài chính	2011
33	Kỹ năng giao tiếp	Giáo trình tâm lý học xã hội (tập 2)	Tiêu Thị Minh Hường; Lý Thị Hàm, Bùi Thị Xuân Mai	Lao động xã hội	2007
		Tâm lý học ứng xử	Lê Thị Bừng	Giáo dục	1998
		Cách xử thế của người nay	Nguyễn Hiến Lê	Văn hóa thông tin	2002
		999 cách gây ấn tượng ban đầu trong giao tiếp	Tôn Khánh Hòa	Lao Động	2001
34	Luật thuế và kế toán	Tập bài giảng Luật thuế, Luật kế toán	ThS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	Lao động xã hội	2008
		Bộ câu hỏi và bài tập Luật thuế và Luật kế toán	ThS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	Lao động xã hội	2012
		Bộ văn bản Luật thuế, Luật kế toán	Khoa Luật, Trường Đại học Lao động - Xã hội		
35	Kế toán tài chính 1	Giáo trình Kế toán tài chính	PGS.TS. Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2011
		Bài tập Kế toán tài chính	PGS.TS. Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2017
		Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014	Bộ Tài chính	Tài chính	2014

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
36	Kế toán tài chính 2	Giáo trình Kế toán tài chính	PGS.TS. Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2011
		Bài tập Kế toán tài chính	PGS.TS. Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2017
		Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014	Bộ Tài chính	Tài chính	2014
37	Tổ chức kế toán	Giáo trình tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	Lưu Đức Tuyên, Ngô Thị Thu Hồng	Tài chính	2011
		Giáo trình tổ chức công tác kế toán	Đoàn Xuân Tiên	Thống kê	2006
		Hướng dẫn tổ chức kế toán quản trị trong các doanh nghiệp	Phạm Văn Dược	Thống kê	1998
		Các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thực hiện	Bộ Tài chính	Tài chính	2006
38	Kế toán quản trị	Giáo trình Kế toán quản trị	Trường Đại học Lao Động – Xã Hội	Tài chính	2010
		Managerial Accounting 12e	R. Garrison and E. Noreen	Nhà xuất bản McGraw hill	2008
39	Kế toán Hành chính sự nghiệp 1	Giáo trình Kế toán hành chính sự nghiệp	PGS.TS. Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2010
		Bài tập kế toán hành chính sự nghiệp	PGS.TS. Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2011
		Chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp	Vụ chế độ kế toán – Bộ tài chính	Tài chính	2006
40	Kế toán Hành chính sự nghiệp 2	Giáo trình Kế toán hành chính sự nghiệp	PGS.TS. Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2010
		Bài tập kế toán hành	PGS.TS.	Tài chính	2011

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		chính sự nghiệp	Nghiêm Văn Lợi		
		Chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp	Vụ chế độ kế toán – Bộ tài chính	Tài chính	2006
41	Kiểm toán căn bản	Giáo trình Kiểm toán	Ths. Phan Trung Kiên	Tài chính	2008
		Kiểm toán	Khoa kế toán – Kiểm toán, Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Thông kê	2014
42	Phân tích báo cáo tài chính	Financial Reporting Analysis – Ohio	Gibson, C	South-Western College Publising	2001
		Quản trị tài chính	Eugene F.Brigham và Joel F. Houston	Đại học Florida	
		Giáo trình Phân tích tài chính doanh nghiệp	TS. Lê Thị Xuân		
		Phân tích tài chính doanh nghiệp	PGS.TS. Nguyễn Trọng Cơ, PGS.TS. Nghiêm Thị Thà	Tài chính	2009
		Phân tích các báo cáo tài chính	ThS. Nguyễn Công Bình	Giao thông vận tải	2009
		Báo cáo tài chính: phân tích, dự báo và định giá	TS. Phạm Thị Thủy, ThS. Nguyễn Thị Lan Anh	Đại học kinh tế quốc dân	2012
43	Kế toán thuế	Giáo trình Kế toán thuế Trường Đại học Lao động – Xã hội	PGS.TS. Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2008
		Sách Bài tập Kế toán	Đại học Lao	Tài chính	2008

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		thuế	động – Xã hội		
		Các Luật, Nghị định, và Thông tư về Quản lý thuế, các loại thuế XNK, TTĐB, GTGT, TNDN, TNCN	Bộ Tài chính		
44	Kế toán quốc tế	Kế toán quốc tế	TS Nguyễn Phú Giang	Tài chính	2010
		Hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế			
		Bài tập Kế Toán Quốc Tế	PGS – TS Nguyễn Thị Đông	Đại học KTQD	
45	Kế toán máy	Bài giảng và bài tập của giáo viên	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	Khoa Kế toán	2017
		Bộ cài phần mềm	Công ty MISA		
		Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm của công ty MISA	Công ty MISA		2017
46	Hệ thống thông tin kế toán	Hệ thống thông tin kế toán	Thiếu Thị Tâm	Thông Kê	2007
		Hệ thống thông tin kế toán (Bài tập)	Thiếu Thị Tâm	Thông Kê	2007
		Accounting information Systems.	Ulric J. Gelinas, Jr, Steve G. Sutton		
		Accounting information Systems,	Marshall B.Romney		
		Accounting Information Systems, sixth edition.	James A.Hall,		
47	Lý thuyết tổ chức	Tài liệu dịch Organization Theory and Design, Tenth Edition	Richard L. Daft		

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		Organization Theory and Design, Tenth Edition	Richard L. Daft		
		Lý thuyết tổ chức (xuất bản lần 2)	PGS.TS. Nguyễn Hữu Tri	Chính trị Quốc gia	2013
48	Thống kê doanh nghiệp	Thống kê doanh nghiệp		Lao động xã hội	2009
		Bài tập thống kê doanh nghiệp		Lao động xã hội	2015
49	Nguyên lý tiền lương	Giáo trình Tiền lương Tiền công	PGS.TS Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2011
		Giáo trình Quản trị nhân lực (tập 2)	PGS.TS Lê Thanh Hà	Lao động xã hội	2009
		Bộ Bài tập Bài tập Tiền lương Tiền công	Đỗ Thị Tươi	Lao động xã hội	2009
50	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán – English for Accounting		Lao động xã hội	
		Bài tập Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán – Workbook for Accounting		Lao động xã hội	
51	Kiểm soát nội bộ	Giáo trình Kiểm soát nội bộ	Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Phương Đông	2012
52	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	Giáo trình Bảo hiểm xã hội	PGS. TS Nguyễn Tiệp	Lao động xã hội	2010
53	Nhập môn quản trị nhân lực	Giáo trình Quản trị nhân lực (tập 1)	PGS.TS. Lê Thanh Hà	Lao động xã hội	2009
		Giáo trình Quản trị	PGS.TS. Lê	Lao động	2009

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		nhân lực (tập 2)	Thanh Hà	xã hội	
		Bài tập Quản trị nhân lực (tập 1)	Ths. Nguyễn Thị Hồng	Lao động xã hội	2008
		Bài tập Quản trị nhân lực (tập 2)	Ths. Nguyễn Thị Hồng	Lao động xã hội	2012
54	Kế toán công ty cổ phần	Giáo trình Kế toán công ty	Nguyễn Văn Công	Thống kê	2007
		Giáo trình Kế toán công ty	PGS.TS. Nguyễn Thị Đông	Đại học Kinh tế quốc dân	2006
		Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014	Bộ Tài chính	Tài chính	2006
		Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13	Quốc hội		2014
55	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	Bài giảng			
		Giáo trình kế toán doanh nghiệp	PGS.TS.Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2011
		Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 "Hợp đồng xây dựng"	Bộ tài chính	Tài chính	2006
		Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành	Bộ tài chính	Tài chính	2015
		Giáo trình kế toán xây lắp	Học viện Tài Chính	Tài chính	
		Quản trị xây dựng	Đại học Kinh tế quốc dân	Đại học Kinh tế quốc dân	2011
56	Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ	Giáo trình kế toán tài chính	PGS.TS.Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2011
		Bài tập kế toán tài chính	PGS.TS.Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2017
		Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014	Bộ Tài Chính	Tài chính	2015
		Thông tư 108/2001/TT-	Bộ Tài Chính	Tài chính	2002

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		BTC ngày 31/12/2001 hướng dẫn kế toán hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu ủy thác			
57	Kế toán ngân sách	Đề cương bài giảng, bài tập Kế toán ngân sách do giáo viên cung cấp		Khoa kế toán	
		Giáo trình Kế toán ngân sách nhà nước và nghiệp vụ kho bạc nhà nước	PGS.TS. Phạm Văn Liên, PGS.TS. Phạm Văn Đăng	Nhà xuất bản Tài chính	2008
		Chế độ kế toán NSNN và nghiệp vụ kho bạc hiện hành	Bộ Tài chính	Tài chính	
		Các văn bản pháp luật về Ngân sách nhà nước có liên quan			
58	Thị trường chứng khoán	Giáo trình tài chính tiền tệ	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Tài chính	2007
		Giáo trình thị trường chứng khoán	Học viện Tài chính	Tài chính	2008
		Quản trị tài chính	Eugene F.Brigham, Joe F. Houston	Đại học Florida	
		Giáo trình Thị trường chứng khoán	Đại học Kinh tế quốc dân	Đại học Kinh tế quốc dân	2009
59	Kế toán tập đoàn	Bài giảng và bài tập của giáo viên	Bộ môn kế toán doanh nghiệp	Trường Đại học lao Động – Xã Hội	2016
		Chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS 03 và VAS 25	Bộ Tài chính	Tài chính	2006

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		Chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS 3 và IAS 25			
60	Tín dụng và thanh toán	Giáo trình Tài chính - Tiền tệ Trường Đại học Lao động xã hội	Nguyễn Văn Định	Nhà xuất bản Lao động.	2007
		Tiền và hoạt động ngân hàng	Lê Vinh Danh	Tài chính	2009
		Giáo trình Tài chính - tiền tệ	Sử Đình Thành	Nhà xuất bản Lao động xã hội	2008
		Giáo trình Tiền tệ ngân hàng	Nguyễn Minh Kiều	Nhà xuất bản Thông kê.	2006
		Giáo trình Lý thuyết Tài chính- Tiền tệ Trường Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh,	Lê Thị Tuyết Hoa	Nhà xuất bản kinh tế TP Hồ Chí Minh.	2017
63	Hệ thống kiểm soát quản trị	<i>Giáo trình Kiểm soát nội bộ</i>	Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Nhà xuất bản Phương Đông	2012
64	Kiểm toán tài chính	Kiểm toán	Khoa kế toán – Kiểm toán, Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	Thống kê	2014
		Giáo trình Kiểm toán	Phan Trung Kiên	Nhà xuất bản Tài	2008

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
				chính	

12. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

12.1. Chương trình Kế toán trình độ đại học, đối tượng tuyển sinh là học sinh đã học xong chương trình PTTH hoặc tương đương. Trong chương trình, các học phần đã được bố trí vào các kỳ theo mối quan hệ giữa các học phần và do vậy phải được thực hiện đúng theo các điều kiện tiên quyết.

12.2. Giờ quy đổi được tính như sau:

- 1 TC = 15 tiết giảng lý thuyết trên lớp;
- = 30 tiết thực hành, thảo luận;
- = 60 giờ thực tập tại cơ sở, làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp.

Để thực hiện 1 TC lý thuyết, thực hành, thảo luận, sinh viên cần 30 giờ chuẩn bị.

Để thực hiện 1 tín chỉ lý thuyết (trừ các học phần GDTC, GDQP-AN), cán bộ giảng dạy dành 2 tiết tiếp xúc và đánh giá tự học của SV.

12.3. Mã các học phần được xây dựng theo quy định chung như sau: Các học phần được mã hoá bằng bộ mã với 09 kí tự ($X_1X_2X_3X_4X_5X_6X_7X_8X_9$). Trong đó:

- $X_1X_2X_3X_4$: Kí hiệu tên học phần. Tên mỗi học phần được viết tắt bằng 04 (bốn) kí tự là chữ cái in hoa tiếng Việt và chữ số (nếu cần)

VD: - MLN1: Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin 1

- DSMT: Dân số và môi trường
- X_5X_6 : Kí hiệu tên đơn vị quản lý học phần.

TÊN ĐƠN VỊ	MÃ ĐƠN VỊ
Khoa Kế toán	01
Khoa Quản lý nguồn nhân lực	02
Khoa Công tác Xã hội	03
Khoa Bảo hiểm	04
Khoa Quản trị Kinh doanh	05
Khoa Ngoại ngữ	06
Khoa Lý luận Chính trị	07
Khoa Sau đại học	08
Khoa Kỹ thuật chính hình	09
Khoa Luật	10
Bộ môn Toán	11
Khoa Công nghệ thông tin	12
Bộ môn Thống kê	13

- X₇ : Trình độ đào tạo:

- 1: Trình độ cao học
- 2: Trình độ đại học
- 3: Trình độ cao đẳng
- 4: Trình độ cao học và đại học
- 5: Trình độ đại học và cao đẳng

- X₈: Số tín chỉ, cụ thể như sau:

- 1: 01 TC; 2: 02 TC; 3: 03 TC; 4: 04 TC.

- X₉: Loại học phần

L-Lý thuyết

T-Thực hành

H-Hỗn hợp (kết hợp lý thuyết với thực hành, thảo luận)

K-Khoa luận

VD: Mã học phần: MLN10753H có nghĩa là: Học phần Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin 1 (MLN1); do khoa Lý luận chính trị quản lý (07); dùng cho trình độ đại học và cao đẳng (5); thời lượng 3 TC (3); Học phần này thuộc loại hỗn hợp (H).

12.4. Giải thích các số trong dấu ngoặc đơn bên cạnh số tín chỉ:

Ví dụ: 2(12,36,60)

- Số thứ nhất (12): số tiết lý thuyết học trên lớp.
- Số thứ hai (36): số tiết thảo luận hoặc thí nghiệm hoặc thực hành
- Số thứ ba (60): số giờ chuẩn bị.

12.5. Giải thích mục “Điều kiện”:

(a): Học phần học trước

Để có thể đăng ký học học phần thuộc cột “Tên học phần” thì sinh viên đã phải học học phần ghi trong cột “Điều kiện” nhưng không nhất thiết phải có kết quả đạt.

(b): Học phần tiên quyết

Để có thể đăng ký học học phần thuộc cột “Tên học phần” thì sinh viên đã phải học học phần ghi trong cột “Điều kiện” và phải có kết quả đạt.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC- LÊNIN 1
(*Ban hành kèm theo Quyết định số: 58/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*)

1. Tên học phần: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1; **Mã học phần:** MLN10722H

2. Số tín chỉ: 02 TC (22, 16, 60)

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ nhất các ngành Quản trị nhân lực, Bảo hiểm, Công tác xã hội, Kế toán, Quản trị kinh doanh

4. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết (LT): 22 tiết
- Thảo luận (TL): 16 tiết (trong đó có 1 tiết kiểm tra giữa kỳ)
- Tự học (TH): 60

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu của học phần:

- Kiến thức:

+ Sinh viên hiểu khái lược về chủ nghĩa Mác – Lênin, xác định được đối tượng, mục đích và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học.

+ Sinh viên nắm được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, từ đó từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất cho bản thân.

- Kỹ năng:

+ Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải thích một số hiện tượng mang tính phổ biến diễn ra trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy.

+ Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu hiểu được cơ sở lý luận của Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng.

- Thái độ:

+ Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

+ Tăng cường bản lĩnh chính trị, tính chủ động, tự tin cho sinh viên, từng bước xây dựng, củng cố niềm tin vào con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

7. Mô tả ngắn gọn nội dung của học phần:

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp đầy đủ, ra vào lớp đúng giờ, có đầy đủ giáo trình, vở ghi chép
- Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo và chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên (trả lời các câu hỏi chuẩn bị bài và câu hỏi thảo luận)
- Thực hiện 03 bài thảo luận nhóm
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần

9. Tài liệu học tập:

[1]. Q.1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, 2012.

[2]. Q.2. Trường Đại học Lao động – Xã hội, Tài liệu hướng dẫn ôn tập Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin. Phần I, Nxb Lao động xã hội, 2012.

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

TT	Nội dung	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Điểm đánh giá bộ phận	<ul style="list-style-type: none">- Điểm chuyên cần: Hệ số 1- Điểm thảo luận nhóm: Hệ số 1- Điểm kiểm tra giữa kỳ: Hệ số 2	40%
2	Điểm thi kết thúc học phần	Thi kết thúc học phần được thực hiện theo quy định của trường	60%

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt

F+ (2,0 – 3,9) F (dưới 2,0): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài	Phân bổ thời gian (tiết)	Tự

		liệu	Tổng số	LT	ThH/ TL	BTL	KT	học (giờ)
1	Ván đề 1.Khái lược về chủ nghĩa Mác – Lê nin. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin	[1], [2]	2	1	1			3
2	Ván đề 2.Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức	[1], [2]	5	3	2			7
3	Ván đề 3.Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật	[1], [2]	2	1	1			4
4	Ván đề 4.Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật	[1], [2]	4	3	1			7
5	Ván đề 5.Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật	[1], [2]	5	3	2			8
6	Ván đề 6.Lý luận nhận thức duy vật biện chứng	[1], [2]	3	2	1			4
7	Ván đề 7.Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất	[1], [2]	4	2	2			5
8	Ván đề 8.Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng	[1], [2]	2	1	1			3
9	Ván đề 9.Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội	[1], [2]	3	2	1			4
10	Kiểm tra giữa kỳ		1				1	4
11	Ván đề 10.Hình thái kinh tế - xã hội và quá trình lịch sử-tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế-xã hội	[1], [2]	2	1	1			3
12	Ván đề 11.Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội	[1], [2]	2	1	1			4

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (tiết)					Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	ThH/TL	BTL	KT	
	đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp							
13	Vấn đề 12. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân	[1], [2]	3	2	1			4
	Tổng số		38	22	15		1	60

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; BTL: Bài tập lớn.

B. Nội dung chi tiết

Vấn đề 1. Khái lược về chủ nghĩa Mác – Lenin. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lenin

1. Khái lược về chủ nghĩa Mác - Lenin

1.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin và ba bộ phận lý luận cấu thành

1.1.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin

1.1.2. Ba bộ phận lý luận cơ bản cấu thành chủ nghĩa Mác-Lênin

1.2. Khái lược quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin

1.2.1. Những điều kiện, tiền đề của sự ra đời chủ nghĩa Mác

1.2.2. C.Mác, Ph.Ăngghen với quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác

1.2.3. V.I Lênin với việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác trong điều kiện lịch sử mới

1.2.4. Chủ nghĩa Mác-Lênin và thực tiễn phong trào cách mạng thế giới

2. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lenin

2.1. Đối tượng và phạm vi học tập, nghiên cứu

2.2. Mục đích và yêu cầu về mặt phương pháp học tập, nghiên cứu

2.2.1. Mục đích của việc học tập, nghiên cứu

2.2.2. Một số yêu cầu cơ bản về mặt phương pháp học tập, nghiên cứu

Vấn đề 2. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

1. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng

- 1.1. Vấn đề cơ bản của triết học và sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học
- 1.2. Các hình thức phát triển của chủ nghĩa duy vật trong lịch sử
 - 1.2.1. Chủ nghĩa duy vật chất phác
 - 1.2.2. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
 - 1.2.3. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
2. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức
 - 2.1. Vật chất
 - 2.1.1. Phạm trù vật chất
 - 2.1.2. Phương thức và hình thức tồn tại của vật chất
 - 2.1.3. Tính thống nhất vật chất của thế giới
 - 2.2. Ý thức
 - 2.2.1. Nguồn gốc của ý thức
 - 2.2.2. Bản chất và kết cấu của ý thức
 - 2.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức
 - 2.3.1. Vai trò của vật chất đối với ý thức
 - 2.3.2. Vai trò của ý thức đối với vật chất
 - 2.3.3. Ý nghĩa phương pháp luận

Vấn đề 3. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật

1. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật
 - 1.1. Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng
 - 1.1.1. Phép biện chứng
 - 1.1.2. Các hình thức cơ bản của phép biện chứng
 - 1.2. Phép biện chứng duy vật
 - 1.2.1. Khái niệm phép biện chứng duy vật
 - 1.2.2. Đặc trưng cơ bản và vai trò của phép biện chứng duy vật
2. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật
 - 2.1. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến
 - 2.2. Nguyên lý về sự phát triển

Vấn đề 4. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật

1. Cái chung và cái riêng
 - 1.1. Phạm trù cái chung, cái riêng và cái đơn nhất
 - 1.2. Khái quát tính chất và mối quan hệ biện chứng giữa cái chung, cái riêng và cái đơn nhất
 - 1.3. Ý nghĩa phương pháp luận
2. Nguyên nhân và kết quả

- 2.1. Phạm trù nguyên nhân và kết quả
- 2.2. Khái quát tính chất và mối quan hệ biện chứng giữa nguyên nhân và kết quả
- 2.3. Ý nghĩa phương pháp luận
3. Tất nhiên và ngẫu nhiên
 - 3.1. Phạm trù cái tất nhiên và cái ngẫu nhiên
 - 3.2. Khái quát tính chất và mối quan hệ biện chứng giữa tất nhiên và ngẫu nhiên
 - 3.3. Ý nghĩa phương pháp luận
4. Nội dung và hình thức
 - 4.1. Phạm trù nội dung và hình thức
 - 4.2. Khái quát tính chất và mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức
 - 4.3. Ý nghĩa phương pháp luận
5. Bản chất và hiện tượng
 - 5.1. Phạm trù bản chất, hiện tượng
 - 5.2. Khái quát tính chất và mối quan hệ biện chứng giữa bản chất và hiện tượng
 - 5.3. Ý nghĩa phương pháp luận
6. Khả năng và hiện thực
 - 6.1. Phạm trù khả năng và hiện thực
 - 6.2. Khái quát tính chất và mối quan hệ biện chứng giữa khả năng và hiện thực
 - 6.3. Ý nghĩa phương pháp luận

Vấn đề 5. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

1. Quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại
 - 1.1. Khái niệm chất, lượng
 - 1.2. Quan hệ biện chứng giữa chất và lượng
 - 1.3. Ý nghĩa phương pháp luận
2. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập
 - 2.1. Khái niệm mâu thuẫn và các tính chất chung của mâu thuẫn
 - 2.2. Quá trình vận động của mâu thuẫn
 - 2.3. Ý nghĩa phương pháp luận
3. Quy luật phủ định của phủ định
 - 3.1. Khái niệm phủ định biện chứng và những đặc trưng cơ bản của nó
 - 3.2. Phủ định của phủ định
 - 3.3. Ý nghĩa phương pháp luận

Vấn đề 6. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng

1. Thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn với nhận thức
 - 1.1. Thực tiễn và các hình thức cơ bản của thực tiễn
 - 1.2. Nhận thức và các trình độ nhận thức

- 1.3. Vai trò của thực tiễn với nhận thức
 2. Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý
 - 2.1. Quan điểm của V.I Lênin về con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý
 - 2.2. Chân lý và vai trò của chân lý với thực tiễn
- Vấn đề 7. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất**
1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó
 - 1.1. Khái niệm sản xuất vật chất và phương thức sản xuất
 - 1.2. Vai trò của sản xuất vật chất và phương thức sản xuất đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội
 2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
 - 2.1. Khái niệm lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
 - 2.2. Mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
- Vấn đề 8. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thương天堂**
1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thương天堂
 - 1.1. Khái niệm, kết cấu cơ sở hạ tầng
 - 1.2. Khái niệm, kết cấu kiến trúc thương天堂
 2. Mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thương天堂 của xã hội
 - 2.1. Vai trò quyết định của cơ sở hạ tầng đối với kiến trúc thương天堂
 - 2.2. Vai trò tác động trở lại của kiến trúc thương天堂 đối với cơ sở hạ tầng
- Vấn đề 9. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội**
1. Khái niệm tồn tại xã hội và ý thức xã hội
 2. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội
 3. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội
- Vấn đề 10. Hình thái kinh tế - xã hội và quá trình lịch sử-tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế-xã hội**
1. Khái niệm, kết cấu hình thái kinh tế-xã hội
 2. Quá trình lịch sử-tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế-xã hội
- Vấn đề 11. Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp**
1. Giai cấp và vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp
 - 1.1. Khái niệm giai cấp, tầng lớp xã hội
 - 1.2. Nguồn gốc giai cấp
 - 1.3. Vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp

2. Cách mạng xã hội và vai trò của nó đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp

2.1. Khái niệm cách mạng xã hội và nguồn gốc của cách mạng xã hội

2.2. Vai trò của cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp

Vấn đề 12. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân

1. Con người và bản chất của con người

1.1. Khái niệm con người

1.2. Bản chất của con người

2. Khái niệm quần chúng nhân dân và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân và cá nhân

2.1. Khái niệm quần chúng nhân dân

2.2. Vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân và vai trò của cá nhân trong lịch sử

13. Đội ngũ giảng viên giảng dạy

Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên môn
Đặng Thị Hồng Vi	ThS	Triết học - LLCT
Đoàn thị Thu Hà	ThS	Triết học - LLCT
Nguyễn Thị Thu	ThS	Triết học - LLCT
Phạm Khánh Ngọc	ThS	Triết học - LLCT
Vũ Sĩ Đoàn	ThS	Triết học - LLCT
Nguyễn Thị Giáng Hương	TS	Triết học - LLCT

14. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Thời lượng (số tín chỉ) của học phần: 02, trong đó 22 tiết lý thuyết, 16 tiết thảo luận (trong đó có 01 tiết kiểm tra); Sinh viên sẽ phải kiểm tra 01 bài giữa kỳ.

- Để hoàn thành học phần sinh viên cần thực hiện đầy đủ, nghiêm túc nhiệm vụ của sinh viên đối với học phần.

- Giảng viên cần chuẩn bị đầy đủ tài liệu giảng dạy và nên áp dụng những phương pháp giảng dạy truyền thống kết hợp với hiện đại như thuyết trình, đặt vấn đề gợi mở, phát vấn, sử dụng sơ đồ, hình ảnh minh họa... phương tiện giảng dạy ngoài sử dụng phần, bảng cần sự dụng máy tính và máy chiếu...

- Chương trình sẽ được rà soát, chỉnh sửa: 4 năm/ lần. Tuy nhiên học phần này còn phụ thuộc vào sự chỉ đạo (quy định) chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC- LÊNIN 2
(*Ban hành kèm theo Quyết định số: 58/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*)

1. Tên học phần: Nhữn̄g nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác –Lênin 2; **Mã học phần:** MLN20723H

2. Số tín chỉ: 03 TC (32; 26; 90)

3. Trình độ: Sinh viên đại học năm thứ nhất các ngành Quản trị nhân lực, Kế toán; Công tác xã hội; Bảo hiểm; Quản trị kinh doanh

4. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết (LT): 32
- Thảo luận (TL): 26 (trong đó có 1 tiết kiểm tra)
- Tự học (TH): 90

5. Điều kiện tiên quyết: Nhữn̄g nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lenin 1

6. Mục tiêu của học phần

- **Kiến thức:** Trang bị cho sinh viên nhữn̄g lý luận cơ bản về Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học của Chủ nghĩa Mác – Lenin.

- **Kỹ năng:** Vận dụng các kiến thức đã học để nhận thức và phân tích được một số vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế.

- **Thái độ**

+ Có ý thức bảo vệ, truyền bá nhữn̄g nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lenin, đấu tranh chống nhữn̄g quan điểm sai trái đi ngược lại với nhữn̄g lý luận của Chủ nghĩa Mác – Lenin.

+ Nhận thức đầy đủ và đúng đắn về nhữn̄g chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta trong chiến lược phát triển kinh tế, ổn định hệ thống chính trị và xây dựng Chủ nghĩa Xã hội.

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Đảm bảo thời gian trên lớp và thời gian ra vào lớp.
- Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo và chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên (trả lời các câu hỏi chuẩn bị bài và câu hỏi thảo luận)
 - Thực hiện 3 bài thảo luận nhóm
 - Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ
 - Hoàn thành bài thi kết thúc học phần

9. Tài liệu học tập

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Dùng cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh)*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

TT	Nội dung	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Điểm đánh giá bộ phận	-Điểm chuyên cần : hệ số 1 -Điểm thảo luận: Hệ số 1 -Điểm kiểm tra giữa học kỳ: hệ số 2	40%
2	Thi kết thúc học phần	Thi kết thúc học phần được thực hiện theo quy định của trường	60%

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt

F+ (2,0 – 3,9) F (dưới 2,0): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (tiết)					Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	ThH/TL	BT L	KT	
1	Vấn đề 1. Học thuyết giá trị	[1]	8	4	4			12
2	Vấn đề 2. Sự chuyển hóa của tiền tệ thành tư bản và quá trình sản xuất giá trị thặng dư	[1]	6	4	2			10
3	Vấn đề 3. Sự chuyển hóa của giao dịch thành tư bản -	[1]	4	2	2			6

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (tiết)					Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	ThH/TL	BT L	KT	
	tích lũy tư bản							
4	Vấn đề 4. Quá trình lưu thông tư bản và khủng hoảng kinh tế	[1]	5	3	2			9
5	Vấn đề 5. Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư	[1]	6	4	2			10
6	Vấn đề 6. Chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước	[1]	4	2	2			6
7	Vấn đề 7. Chủ nghĩa tư bản ngày nay. vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản	[1]	4	2	2			6
8	Vấn đề 8. sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	[1]	4	2	2			6
9	Vấn đề 9. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa	[1]	5	3	2			9
10	Vấn đề 10. Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa	[1]	8	4	4			10
11	Vấn đề 11. Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng	[1]	3	2	1			6
	Tổng số		58	32	25	0	1	90

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; BTL: Bài tập lớn.

B. Nội dung chi tiết

Vấn đề 1: HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ

1. Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa

1.1. Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa

1.1.1. *Phân công lao động xã hội*

1.1.2. *Chê độ tư hữu về tư liệu sản xuất hay tính chất tư nhân của quá trình lao động*

1.2. Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa

1.2.1. *Đặc trưng của sản xuất hàng hóa*

1.2.2. *Ưu thế của sản xuất hàng hóa*

2. Hàng hóa

2. 1. Hàng hóa và hai thuộc tính của hàng hóa

2.1.1. *Khái niệm hàng hóa*

2.1.2. *Hai thuộc tính của hàng hóa*

2.2. Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa

2.2.1. *Lao động cụ thể*

2.2.2. *Lao động trừu tượng*

2.3. Lượng giá trị hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa

2.3.1. *Thước đo lượng giá trị hàng hóa*

2.3.2. *Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa*

3. Tiền tệ

3.1. Lịch sử phát triển của hình thái giá trị và bản chất của tiền tệ

3.1.1 *Lịch sử phát triển của hình thái giá trị*

3.1.2. *Bản chất của tiền tệ*

3.2. Chức năng của tiền tệ

3.2.1 *Thước đo giá trị*

3.2.2. *Phương tiện lưu thông*

3.2.3 *Phương tiện thanh toán*

3.2.4 *Phương tiện cát trữ*

3.2.5 *Tiền tệ thế giới*

4. Quy luật giá trị

4.1. Nội dung yêu cầu của quy luật giá trị

4.2. Tác động của quy luật giá trị

4.2.1. *Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa*

4.2.2. *Kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất nhằm tăng năng suất lao động*

4.2.3. *Thực hiện sự lựa chọn tự nhiên và phân hóa người lao động thành kẻ giàu người nghèo.*

VẤN ĐỀ 2: SỰ CHUYỂN HÓA CỦA TIỀN TỆ THÀNH TƯ BẢN VÀ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

1. Sự chuyển hóa của tiền thành tư bản

- 1.1. Công thức chung của tư bản
- 1.2. Mâu thuẫn của công thức chung tư bản.
- 1.3. Hàng hoá sức lao động và tiền công trong CNTB

1.3.1. Hàng hóa SLĐ

1.3.2. Tiền công trong CNTB

2. Sản xuất giá trị thặng dư

2.1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư.

2.2. Bản chất của tư bản. Sự phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến

2.2.1. Bản chất của tư bản

2.2.2. Tư bản bất biến và khả biến

2.3. Tỷ suất và khối lượng giá trị thặng dư

2.3.1. Tỷ suất giá trị thặng dư

2.3.2. Khối lượng giá trị thặng dư :

2.4. Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư

2.4.1. Sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối

2.4.2. Sản xuất giá trị thặng dư tương đối.

2.5. Sản xuất GTTD – Quy luật kinh tế tuyệt đối của Chủ nghĩa tư bản

VẤN ĐỀ 3: SỰ CHUYỂN HÓA CỦA GTTD THÀNH TƯ BẢN

- TÍCH LŨY TƯ BẢN

1. Thực chất và động cơ của tích luỹ tư bản

1.1. Thực chất của tích luỹ tư bản

1.2. Động cơ của tích luỹ tư bản.

2. Những nhân tố quyết định qui mô của tích luỹ tư bản

3. Tích tụ tư bản và tập trung tư bản.

4. Cấu tạo hữu cơ của tư bản.

VẤN ĐỀ 4: QUÁ TRÌNH LUU THÔNG TƯ BẢN VÀ

KHỦNG HOẢNG KINH TẾ

1. Tuần hoàn tư bản và chu chuyển tư bản.

1.1. Tuần hoàn tư bản

1.2. Chu chuyển tư bản

1.3. Tư bản cố định và tư bản lưu động

2. Tái sản xuất và lưu thông của tư bản xã hội.

2.1. Một số khái niệm cơ bản của tái sản xuất tư bản xã hội.

2.2. Điều kiện thực hiện trong TSX giản đơn và TSX mở rộng tư bản xã hội.

3. Khủng hoảng kinh tế trong CNTB.

3.1. Bản chất và nguyên nhân của khủng hoảng kinh tế trong CNTB

3.2. Tính chu kỳ của khủng hoảng kinh tế trong CNTB.

Vấn đề 5: CÁC HÌNH THÁI TU BẢN VÀ CÁC HÌNH THÚC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

1. Chi phí sản xuất TBCN, lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận

1.1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa và giá trị hàng hóa

1.2. Lợi nhuận(P)

1.3. Tỷ suất lợi nhuận

2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất.

3. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các tập đoàn tư bản.

3.1. Tư bản thương nghiệp và lợi nhuận thương nghiệp:

3.2. Tư bản cho vay và lợi tức cho vay

3.3. Quan hệ tín dụng TBCN. Ngân hàng và lợi nhuận ngân hàng

3.4. Công ty cổ phần. Tư bản giả và thị trường chứng khoán

3.5. Quan hệ sản xuất TBCN trong nông nghiệp và địa tô TBCN.

3.5.1 Sự hình thành quan hệ sản xuất TBCN trong nông nghiệp

3.5.2. Bản chất của địa tô TBCN:

3.5.3. Các hình thức địa tô TBCN

3.5.4. Giá cả ruộng đất

Vấn đề 6: CHỦ NGHĨA TU BẢN ĐỘC QUYỀN VÀ CHỦ NGHĨA TU BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC

1. Nguyên nhân chuyển từ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa tư bản độc quyền

2. Các đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền

2.1. Tập trung sản xuất và các tổ chức độc quyền

2.2. Tư bản tài chính và bọn đầu sỏ tài chính

2.3. Xuất khẩu tư bản

2.4. Sự phân chia thế giới về kinh tế giữa các tổ chức độc quyền

2.5. Sự phân chia thế giới về lãnh thổ giữa các cường quốc đế quốc

3. Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền

3.1. Sự hoạt động của quy luật giá trị

3.2. Sự hoạt động của quy luật giá trị thặng dư

4. Nguyên nhân ra đời và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

5. Những biểu hiện của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

- 5.1. Sự kết hợp về con người giữa các tổ chức độc quyền và bộ máy nhà nước
- 5.2. Sự hình thành và phát triển của sở hữu nhà nước
- 5.3. Sự điều tiết kinh tế của nhà nước tư sản

Vấn đề 7: CHỦ NGHĨA TƯ BẢN NGÀY NAY. VAI TRÒ, HẠN CHẾ VÀ XU HƯỚNG VẬN ĐỘNG CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

1.Những biểu hiện mới trong năm đặc điểm của CNTB độc quyền

- 1.1 Tập trung sản xuất và hình thức độc quyền mới
- 1.2 Sự thay đổi trong các hình thức tổ chức và cơ chế thống trị của tư bản tài chính.
- 1.3. Xuất khẩu tư bản vẫn là cơ sở của độc quyền quốc tế sau chiến tranh, nhưng quy mô, chiều hướng và kết cấu của việc xuất khẩu tư bản đã có bước phát triển mới.
- 1.4. Sự phân chia thế giới giữa các liên minh của chủ nghĩa tư bản: xu hướng quốc tế hoá, toàn cầu hoá ngày càng tăng bên cạnh xu hướng khu vực hoá nền kinh tế
- 1.5 Sự phân chia thế giới giữa các cường quốc vẫn tiếp tục dưới những hình thức cạnh tranh và thống trị mới.

2. Những biểu hiện mới trong cơ chế điều tiết của CNTB độc quyền Nhà nước

3. Những nét mới trong sự phát triển của CNTB hiện đại

- 3.1. Sự phát triển nhảy vọt về lực lượng sản xuất
- 3.2. Nền kinh tế đang có xu hướng chuyển từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức
- 3.3. Sự điều chỉnh về quan hệ sản xuất và quan hệ giai cấp
- 3.4. Thể chế quản lý kinh doanh trong nội bộ doanh nghiệp có những biến đổi lớn
- 3.5. Điều tiết vĩ mô của nhà nước ngày càng được tăng cường
- 3.6. Các công ty xuyên quốc gia có vai trò ngày càng quan trọng trong hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa, là lực lượng chủ yếu thúc đẩy toàn cầu hóa kinh tế
- 3.7. Điều tiết và phối hợp quốc tế được tăng cường

4.Vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản

- 4.1. Vai trò của chủ nghĩa tư bản đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội
- 4.2. Hạn chế của chủ nghĩa tư bản
- 4.3. Xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản

Vấn đề 8:SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

1. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của nó

- 1.1. Khái niệm giai cấp công nhân
- 1.2 Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

2. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

- 2.1 Địa vị kinh tế-xã hội của giai cấp công nhân trong xã hội tư bản chủ nghĩa
- 2.2. Đặc điểm chính trị-xã hội của giai cấp công nhân

3. Vai trò của Đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

- 3.1 Tính tất yếu và quy luật hình thành, phát triển chính đảng của giai cấp công nhân
- 3.2. Mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản với giai cấp công nhân

Vấn đề 9:CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ HÌNH THÁI KINH TẾ CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA

1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa

- 1.1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó

1.1.1. Khái niệm cách mạng xã hội chủ nghĩa

1.1.2. Nguyên nhân của cách mạng xã hội chủ nghĩa

- 1.2. Mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa

1.2.1. Mục tiêu của CMXHCN

1.2.2. Động lực của CMXHCN

1.2.3. Nội dung của CMXHCN

1.2.4. Lý luận cách mạng không ngừng của Chủ nghĩa Mác - Lênin

- 1.3. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

1.3.1. Tính tất yếu và cơ sở khách quan của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

1.3.2. Nội dung và nguyên tắc cơ bản của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân các tầng lớp lao động khác trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

2. Hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa

- 2.1. Xu hướng tất yếu của sự xuất hiện hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa

- 2.2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa

2.2.1. Thời kỳ quá độ từ CNTB lên CNXH

2.2.2. Xã hội xã hội chủ nghĩa

2.2.3. Giai đoạn cao của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

Vấn đề 10:NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CÓ TÍNH QUY LUẬT TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

- 1.1 Khái niệm dân chủ và nền dân chủ

- 1.2 Những đặc trưng của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

- 1.3 Tính tất yếu của việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

2. Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa

- 2.1 Khái niệm nhà nước xã hội chủ nghĩa

- 2.2 Đặc trưng và chức năng, nhiệm vụ của nhà nước xã hội chủ nghĩa

- 2.3 Tính tất yếu của việc xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa

3. Xây dựng nền văn hóa XHCN

- 3.1 Khái niệm văn hóa, nền văn hóa và nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

3.2 Đặc trưng của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

3.3 Tính tất yếu của việc xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

4. Vấn đề dân tộc và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc

4.1 Khái niệm dân tộc; hai xu hướng phát triển của dân tộc và vấn đề dân tộc trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội

4.2 Những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc

5. Vấn đề tôn giáo và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo

5.1 Khái niệm tôn giáo và vấn đề tôn giáo trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội

5.2 Các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo.

Vấn đề 11: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC VÀ TRIỀN VỌNG

1. Cách mạng Tháng Mười Nga và mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực đầu tiên trên thế giới

1.1.CM tháng Mười Nga (1917)

1.2. Mô hình CNXH đầu tiên trên thế giới

2. Sự ra đời của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa và những thành tựu của nó

2.1. Sự ra đời và phát triển của hệ thống các nước XHCN

2.2. Những thành tựu của chủ nghĩa xã hội hiện thực

3. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết

4.Triển vọng của CNXH

4.1. CNTB không phải là tương lai của xã hội loài người

4.2. CNXH – tương lai của xã hội loài người

13. Đội ngũ giảng viên giảng dạy

Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên môn
Đông Thị Hồng	TS	Kinh tế chính trị
Đào Mai Phước	ThS	Kinh tế chính trị
Phạm Thị Thùy	TS	Kinh tế chính trị
Đỗ Thị Ngọc Ánh	ThS	Kinh tế chính trị

14. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Thời lượng (số tín chỉ) của học phần: 03, trong đó 32 tiết lý thuyết, 26 tiết thảo luận (trong đó có 01 tiết kiểm tra); Sinh viên sẽ phải kiểm tra 01 bài giữa kỳ.

Để hoàn thành học phần sinh viên cần thực hiện đầy đủ, nghiêm túc nhiệm vụ của sinh viên đối với học phần.

Giảng viên cần chuẩn bị đầy đủ tài liệu giảng dạy và nên áp dụng những phương pháp giảng dạy truyền thống kết hợp với hiện đại như thuyết trình, đặt vấn đề gợi mở, phát vấn, sử dụng sơ đồ, hình ảnh minh họa... phương tiện giảng dạy ngoài sử dụng phần, bảng cần sự dụng máy tính và máy chiếu...

Chương trình sẽ được rà soát, chỉnh sửa: 4 năm/ lần. Tuy nhiên học phần này còn phụ thuộc vào sự chỉ đạo (quy định) chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 58/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

- 1. Tên học phần:** Tư tưởng Hồ Chí Minh; **Mã học phần:** TTCM0722H
- 2. Số tín chỉ:** 02 TC (21;17;60)
- 3. Trình độ:** Sinh viên năm thứ 2 các ngành Quản trị nhân lực, Kế toán; Công tác xã hội; Bảo hiểm; Quản trị kinh doanh
- 4. Phân bổ thời gian:**
 - Lý thuyết (LT): 21 tiết
 - Thảo luận (TL): 16 tiết + 1 tiết kiểm tra giữa kỳ
 - Tự học (TH): 60 tiết
- 5. Điều kiện tiên quyết:** Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lê nin 1.
- 6. Mục tiêu của học phần**
 - Về kiến thức:**
 - + Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng Hồ Chí Minh và giá trị của nó trong thời đại ngày nay.
 - + Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác – Lê nin.
 - + Cùng với môn học Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lê nin tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta.
 - + Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới cho đối tượng sinh viên.
 - Về kỹ năng:**
 - + Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu, hiểu được cơ sở lý luận của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh, môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng.
 - + Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải thích và bình luận một số vấn đề liên quan trực tiếp tới con đường cách mạng Việt Nam, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, đặc biệt là các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế.
 - + Rèn luyện kỹ năng lập luận, thuyết trình, làm việc theo nhóm, kỹ năng tư duy logic, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên.
 - Về thái độ:**
 - + Cân cù, tích cực tiếp thu kiến thức, làm đầy đủ bài kiểm tra, bài tập mà giảng viên yêu cầu.

+ Trên cơ sở nhận thức được những vấn đề cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

+ Tăng cường bản lĩnh chính trị, tính chủ động, tự tin cho sinh viên, từng bước xây dựng, củng cố niềm tin vào con đường cách mạng mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

7. Mô tả văn tắt nội dung của học phần

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, chuẩn bị bài ở nhà, tự học theo câu hỏi đã cho trước của giảng viên (trả lời câu hỏi chuẩn bị bài và câu hỏi thảo luận)

- Thực hiện thảo luận nhóm.
- Thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ.
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần.

9. Tài liệu học tập

9.1. Học liệu bắt buộc (HLBB)

[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo, *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, (Dành cho sinh viên đại học cao đẳng khối không chuyên ngành Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013. [Q1]

9.2. Học liệu tham khảo (HLTK)

[2]. Bộ Giáo dục và đào tạo, *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh* (Dùng trong các trường đại học và cao đẳng) (tái bản lần thứ hai có sửa chữa, bổ sung), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2006. [Q2]

[3]. Bộ Giáo dục và đào tạo, *Tư tưởng Hồ Chí Minh* (Tài liệu phục vụ dạy và học Chương trình các môn Lý luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng), Nxb Đại học kinh tế quốc dân 2008. [Q3]

[3]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các Bộ môn Khoa học Mác – Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003. [Q4]

[4]. Nguyễn Văn Tuân, Đoàn Thị Thu Hà, Đông Thị Hồng (Chủ biên), 47 câu hỏi ôn tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội 2015. [Q5]

Địa chỉ website:

1. <http://www.dangcongsan@cpv.org.vn>
2. <http://www.tapchicongsan.org.vn>

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

TT	Nội dung	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Điểm đánh giá bộ phận	- Điểm chuyên cần: Hệ số 1 - Điểm thảo luận nhóm: hệ số 1 - Điểm kiểm tra giữa kỳ: hệ số 2	40%
2	Điểm thi kết thúc học phần	Thi kết thúc học phần được thực hiện theo quy định của nhà trường	60%

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt

F+ (2,0 – 3,9) F (dưới 2,0): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (tiết)					Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	ThH / TL	BTL	KT	
1	Vấn đề 1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh	[1], [2]	1	2	0			
2	Vấn đề 2. Cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	[1], [2]	2	2	0			
3	Vấn đề 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc	[1], [2]	4	3	1			
4	Vấn đề 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	[1], [2]	4	3	1			

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (tiết)					Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	ThH / TL	BTL	KT	
5	Vấn đề 5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam	[1], [2]	4	3	1			
6	Vấn đề 6. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế	[1], [2]	3	2	1			
7	Kiểm tra giữa kỳ	[1], [2]	1					
8	Vấn đề 7. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân	[1], [2]	4	3	1			
9	Vấn đề 8. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Văn hóa	[1], [2]	3	2	1			
10	Vấn đề 9. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức	[1], [2]	2	1	1			
11	Vấn đề 10. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới	[1], [2]	1	1	1			
12	Tổng số		38	21	16		1	

B. Nội dung chi tiết

Vấn đề 1: ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1.1. Đối tượng nghiên cứu

1.1.1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh

1.1.1.1. *Khái niệm tư tưởng*

1.1.1.2. *Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh*

1.1.2. Đối tượng và nhiệm vụ của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh

1.1.2.1. *Đối tượng nghiên cứu*

1.1.2.2. *Nhiệm vụ nghiên cứu*

1.1.3. Mối quan hệ của môn học này với môn học Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lê nin và môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

1.1.3.1. *Mối quan hệ của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh với môn học Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lê nin*

1.1.3.2. Mỗi quan hệ của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh với môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

1.2. Phương pháp nghiên cứu

1.2.1. Cơ sở phương pháp luận

1.2.1.1. Bảo đảm sự thống nhất nguyên tắc tính Đảng và tính khoa học 1.2.1.2.

Quan điểm thực tiễn và nguyên tắc lý luận gắn với thực tiễn

1.2.1.3. Quan điểm lịch sử - cụ thể

1.2.1.4. Quan điểm toàn diện và hệ thống

1.2.1.5. Quan điểm kế thừa và phát triển

1.2.1.6. Kết hợp nghiên cứu tác phẩm với thực tiễn chỉ đạo cách mạng của Hồ Chí Minh

1.2.2. Các phương pháp cụ thể

1.3. Ý nghĩa của việc học tập môn học đối với sinh viên

1.3.1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác

1.3.2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị

Vấn đề 2: CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

1.1.1. Cơ sở khách quan

1.1.1.1. Bối cảnh lịch sử hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

1.1.1.2. Những tiền đề tư tưởng lý luận

1.1.2. Nhân tố chủ quan

1.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

1.2.1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước

1.2.2. Thời kỳ từ năm 1911 – 1920: Tìm thấy con đường cứu nước giải phóng dân tộc

1.2.3. Thời kỳ từ năm 1911 – 1920: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam

1.2.4. Thời kỳ 1930 – 1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng

1.2.5. Thời kỳ 1945 – 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện.

1.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh

1.3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc

1.3.1.1. Tài sản vô giá của dân tộc Việt Nam

1.3.1.2. Nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của cách mạng Việt Nam

1.3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới

1.3.2.1. Phản ánh khát vọng thời đại

1.3.2.2. Tìm ra các giải pháp đấu tranh giải phóng loài người

1.3.2.3. Cố vũ các dân tộc đấu tranh vì những mục tiêu cao cả.

Vấn đề 3: TƯ TUỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

1.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc

1.1.1. Vấn đề dân tộc thuộc địa

1.1.1.1. Thực chất của vấn đề dân tộc thuộc địa

1.1.1.2. Độc lập dân tộc – nội dung cốt lõi của vấn đề dân tộc thuộc địa

1.1.1.3. Chủ nghĩa yêu nước chân chính – một động lực lớn của đất nước.

1.1.2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp

1.1.2.1. Vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp có quan hệ mật thiết với nhau

1.1.2.2. Giải phóng dân tộc là vấn đề trên hết, trước hết; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

1.1.2.3. Giải phóng dân tộc tạo tiền đề để giải phóng giai cấp

1.1.2.4. Giữ vững độc lập của dân tộc mình đồng thời tôn trọng độc lập của dân tộc khác.

1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc

1.2.1. Tính chất, nhiệm vụ, mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc

1.2.2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản

1.2.3. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo

1.2.4. Lực lượng cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc

1.2.5. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc

1.2.6. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực.

Vấn đề 4: TƯ TUỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bản chất và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội

1.1.1. Tính tất yếu của CNXH ở Việt Nam

1.1.2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về đặc trưng bản chất của CNXH ở Việt Nam

1.1.1.1. Cách tiếp cận của Hồ Chí Minh về CNXH

1.1.1.2. Đặc trưng bản chất tổng quát của CNXH

1.1.3. Quan niệm của Hồ Chí Minh về mục tiêu, động lực của CNXH ở Việt Nam

1.1.3.1. Mục tiêu

1.1.3.2. Động lực

1.2. Con đường, biện pháp quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

1.2.1. Đặc điểm, nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

1.2.1.1. Thực chất, loại hình, đặc điểm của thời kỳ quá độ

1.2.1.2. Nhiệm vụ lịch sử của thời kỳ quá độ lên CNXH Việt Nam.

1.2.1.3. Quan điểm Hồ Chí Minh về nội dung xây dựng CNXH ở nước ta trong thời kỳ quá độ

1.2.2. Những chỉ dẫn có tính định hướng về nguyên tắc, bước đi, biện pháp thực hiện trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội

Vấn đề 5: TƯ TUỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1.1. Quan niệm Hồ Chí Minh về vai trò, bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam

1.1.1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

1.1.2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam

1.1.3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam

1.1.4. Quan niệm về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền

1.1.4.1. Đảng lãnh đạo nhân dân giành chính quyền, trở thành Đảng cầm quyền

1.1.4.2. Quan niệm Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền

1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh

1.2.1. Xây dựng Đảng – Quy luật tồn tại và phát triển của Đảng

1.2.2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam

1.2.2.1. Xây dựng Đảng về tư tưởng lý luận

1.2.2.2. Xây dựng Đảng về chính trị

1.2.2.3. Xây dựng Đảng về tổ chức, bộ máy, công tác cán bộ

1.2.2.4. Xây dựng Đảng về đạo đức.

Vấn đề 6: TƯ TUỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

1.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

1.1.1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng

1.1.1.1. Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược quyết định thành công của cách mạng

1.1.1.2. Đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, của dân tộc.

1.1.2. Lực lượng đại đoàn kết dân tộc

1.1.2.1. Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân

1.1.2.2. Điều kiện thực hiện đại đoàn kết dân tộc.

1.1.3. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc

1.1.3.1. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc là Mặt trận dân tộc thống nhất

1.1.3.2. Một số nguyên tắc cơ bản về xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc

thống nhất.

1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế

1.2.1. Vai trò của đoàn kết quốc tế

1.2.1.1. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo nên sức mạnh tổng hợp cho cách mạng

1.2.1.2. Thực hiện đoàn kết quốc tế, nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng.

1.2.2. Lực lượng đoàn kết và hình thức tổ chức

1.2.2.1. Các lực lượng cần đoàn kết

1.2.2.2. Hình thức tổ chức.

1.2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế

1.2.3.1. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích, có lý, có tình

1.2.3.2. Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường.

Vấn đề 7: TU TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN VÀ VÌ DÂN

1.1. Xây dựng nhà nước thể hiện quyền là chủ và làm chủ của nhân dân

1.1.1. Nhà nước của dân

1.1.2. Nhà nước do dân

1.1.3. Nhà nước vì dân

1.2. Quan điểm Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước

1.2.2.1. Về bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước

1.2.2.2. Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước.

1.3. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ

1.3.1. Xây dựng một Nhà nước hợp pháp, hợp hiến

1.3.2. Hoạt động quản lý nhà nước bằng Hiến pháp, pháp luật và chú trọng đưa pháp luật vào trong cuộc sống.

1.4. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả

1.4.1. Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có đủ đức và tài

1.4.2. Đề phòng và khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của bộ máy Nhà nước

1.4.3. Tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật đi đôi với đầy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng.

Vấn đề 8: TU TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA

1.1. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hóa

1.1.1. Khái niệm văn hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh

1.1.1.1. Định nghĩa văn hóa

- 1.1.1.2. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng một nền văn hóa mới.
- 1.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa
- 1.1.2.1. Quan điểm Hồ Chí Minh về vị trí và vai trò của văn hóa trong đời sống xã hội
- 1.1.2.2. Quan điểm Hồ Chí Minh về tính chất của văn hóa
- 1.1.2.3. Quan điểm Hồ Chí Minh về chức năng của văn hóa.
- 1.1.3. Quan điểm Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa
- 1.1.3.1. Văn hóa giáo dục
- 1.1.3.2. Văn hóa văn nghệ
- 1.1.3.3. Văn hóa đời sống.

Vấn đề 9: TƯ TUỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC

- 1.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức**
- 1.1.1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức
- 1.1.1.1. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức
- 1.1.1.2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng
- 1.1.1.3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới.
- 1.2. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh**
- 1.2.1. Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh
- 1.2.2. Nội dung học tập theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Vấn đề 10: TƯ TUỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI

- 1.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới**
- 1.1.1. Quan niệm Hồ Chí Minh về con người**
- 1.1.1.1. Con người được nhìn nhận như một chỉnh thể
- 1.1.1.2. Con người cụ thể, lịch sử
- 1.1.1.3. Bản chất con người mang tính xã hội.
- 1.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược trồng người**
- 1.1.2.1. Quan điểm Hồ Chí Minh về vai trò của con người
- 1.1.2.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về chiến lược “trồng người”.

13. Đội ngũ giảng viên giảng dạy

Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên môn
Vũ Thị Phương Mai	Tiến sĩ	CNXHKH
Triệu Thị Trinh	Tiến sĩ	Lịch sử
Đoàn Thị Thu Hà	Tiến sĩ	Triết học Mác - Lê nin
Nguyễn Thị Thu	Thạc sĩ	Triết học Mác - Lê nin
5.Nguyễn Thị Giáng Hương	Tiến sĩ	Triết học Mác - Lê nin

14. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Thời lượng (số tín chỉ) của học phần: 02, trong đó 21 tiết lý thuyết, 16 tiết thảo luận và 01 tiết kiểm tra (Sinh viên sẽ phải kiểm tra 01 bài giữa kỳ).
- Để hoàn thành học phần sinh viên cần thực hiện đầy đủ, nghiêm túc nhiệm vụ của sinh viên đối với học phần.
- Giảng viên cần chuẩn bị đầy đủ tài liệu giảng dạy và nên áp dụng những phương pháp giảng dạy truyền thống kết hợp với hiện đại như thuyết trình, đặt vấn đề gợi mở, phát vấn, sử dụng sơ đồ, hình ảnh minh họa... phương tiện giảng dạy ngoài sử dụng phấn, bảng cần sử dụng máy tính và máy chiếu...
- Chương trình sẽ được rà soát, chỉnh sửa: 4 năm/lần. Tuy nhiên, học phần này còn phụ thuộc vào sự chỉ đạo (quy định) chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 58/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- 1. Tên học phần:** Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam; **Mã học phần:** ĐLCKM0723H
- 2. Số tín chỉ:** 03 TC (32, 26, 90)
- 3. Trình độ:** Sinh viên năm thứ 2 các ngành Bảo hiểm, Công tác xã hội, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Quản trị nhân lực.
- 4. Phân bổ thời gian:**
 - Lý thuyết (LT): 32
 - Thảo luận (TL): 26 trong đó có 01 tiết kiểm tra
 - Tự học (TH): 90
- 5. Điều kiện tiên quyết:** Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2, Tư tưởng Hồ Chí Minh
- 6. Mục tiêu của học phần**
 - **Kiến thức:** Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.
 - **Kỹ năng:** Vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.
 - **Thái độ:**
 - Có ý thức bảo vệ, truyền bá đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước, đấu tranh chống những quan điểm sai trái.
 - Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.
- 7. Mô tả văn tắt nội dung của học phần**

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- 8. Nhiệm vụ của sinh viên:**
 - Đọc tài liệu có liên quan đến học phần
 - Thực hiện bài thảo luận nhóm
 - Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ
 - Hoàn thành bài thi kết thúc học phần
- 9. Tài liệu học tập**

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, 2012.

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

TT	Nội dung	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Điểm đánh giá bộ phận	Giảng viên giảng dạy chủ động đánh giá trên cơ sở các nhiệm vụ mà sinh viên phải thực hiện theo quy định ở mục 8	40%
2	Thi kết thúc học phần	Thi kết thúc học phần được thực hiện theo quy định của trường	60%

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt

F+ (2,0 – 3,9) F (dưới 2,0): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (tiết)					Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	ThH/TL	BTL	KT	
1	Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	[1]	2	2	0			3
2	Sự ra đời của ĐCSVN và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng	[1]	7	4	3			9

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (tiết)					Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	ThH/TL	BTL	KT	
3	Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)	[1]	5	3	2			8
4	Đường lối xây dựng, bảo vệ chính quyền và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)	[1]	7	4	3			9
5	Đường lối kháng chiến chống đế quốc Mỹ, thống nhất đất nước (1954-1975)	[1]	4	2	2			9
6	Đường lối công nghiệp hóa	[1]	6	3	3			8
7	Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN	[1]	6	3	3		1	9
8	Đường lối xây dựng hệ thống chính trị	[1]	5	3	2			8
9	Đường lối xây dựng và phát triển nền văn hóa	[1]	5	3	2			8
10	Đường lối giải quyết các vấn đề xã hội	[1]	4	2	2			9
11	Đường lối đối ngoại	[1]	6	3	3			8
Tổng số			58	32	25		1	90

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; BTL: Bài tập lớn.

B. Nội dung chi tiết

Vấn đề 1: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu

1.1. Đối tượng nghiên cứu

1.1.1 Khái niệm “Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam”

1.1.2 Đối tượng nghiên cứu môn học

1.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

1.2.1 *Nhiệm vụ*

1.2.2 *Yêu cầu đặt ra đối với người dạy và người học*

2. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học

2.1. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu môn học

2.1.1 *Cơ sở phương pháp luận*

2.1.2 *Phương pháp nghiên cứu*

2.2. Ý nghĩa của việc học tập môn học

Vấn đề 2: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời Đảng cộng sản Việt Nam

1.1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

1.1.1 *Sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản và hậu quả của nó*

1.1.2 *Ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin*

1.1.3 *Tác động của Cách mạng Tháng Mười Nga và Quốc tế Cộng sản*

1.2 Hoàn cảnh trong nước

1.2.1 *Xã hội Việt Nam dưới sự thống trị của thực dân Pháp*

1.2.2 *Phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX*

1.2.3 *Phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản*

2. Hội nghị thành lập Đảng và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

2.1 Hội nghị thành lập Đảng

2.1.1 *Hợp nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam*

2.1.2 *Thảo luận xác định và thông qua các văn kiện của Đảng*

2.2 Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (gồm các văn kiện: Chánh cương văn tắt của Đảng; Sách lược văn tắt của Đảng; Chương trình tóm tắt của Đảng)

2.2.1 *Phương hướng chiến lược và nhiệm vụ cách mạng Việt Nam*

2.2.2 *Nhiệm vụ cách mạng*

2.2.3 *Lực lượng cách mạng*

2.2.4 *Lãnh đạo cách mạng*

2.2.5 *Quan hệ với phong trào cách mạng thế giới*

2.3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

2.3.1 *Xác lập sự lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam; chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng; thống nhất tư tưởng, chính trị và tổ chức phong trào cộng sản Việt Nam.*

2.3.2 Xác định đúng đắn con đường giải phóng dân tộc và phương hướng phát triển của cách mạng Việt Nam; giải quyết được cuộc khủng hoảng về đường lối cách mạng Việt Nam; nắm ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

2.3.3 Cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới, tranh thủ được sự ủng hộ của cách mạng thế giới.

Vấn đề 3: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)

1. Chủ trương đấu tranh từ năm 1930 đến năm 1939

1.1. Trong những năm 1930-1935

1.1.1 *Luận cương Chính trị tháng 10-1930*

1.1.2 *Chủ trương khôi phục tổ chức đảng và phong trào cách mạng*

1.2 Trong những năm 1936-1939

1.2.1 *Hoàn cảnh lịch sử*

1.2.2 *Chủ trương và nhận thức mới của Đảng*

2. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945

2.1 Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng

2.1.1 *Tình hình thế giới và trong nước*

2.1.2 *Nội dung chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược*

2.1.3 *Ý nghĩa của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược*

2.2 Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền

2.2.1 *Phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước và đẩy mạnh khởi nghĩa từng phần*

2.2.2 *Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa*

2.2.3 *Kết quả, ý nghĩa nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cuộc Cách mạng Tháng Tám*

Vấn đề 4: Đường lối xây dựng, bảo vệ chính quyền và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)

1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)

1.1 *Hoàn cảnh lịch sử nước ta sau Cách mạng Tháng Tám*

1.2 *Chủ trương “kháng chiến kiến quốc” của Đảng*

1.3 *Kết quả, ý nghĩa nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm*

2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946-1954)

2.1 *Hoàn cảnh lịch sử*

2.2 *Quá trình hình thành và nội dung đường lối*

3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

3.1 *Kết quả và ý nghĩa thắng lợi của việc thực hiện đường lối*

3.2 *Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm*

Vấn đề 5: Đường lối kháng chiến chống đế quốc Mỹ, thống nhất đất nước (1954-1975)

1. Giai đoạn 1954-1964

1.1 Hoàn cảnh lịch sử cách mạng Việt Nam sau tháng 7- 1954

1.2 Quá trình hình thành, nội dung và ý nghĩa đường lối

2. Giai đoạn 1965-1975

2.1 Hoàn cảnh lịch sử

2.2 Quá trình hình thành, nội dung và ý nghĩa đường lối

3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm.

3.1 Kết quả và ý nghĩa thắng lợi

3.2 Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

Vấn đề 6: Đường lối công nghiệp hóa

1. Công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới

1.1. Chủ trương của Đảng về công nghiệp hóa

1.1.1 Mục tiêu và phương hướng của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa

1.1.2 Đặc trưng chủ yếu của công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới

1.2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

1.2.1 Kết quả thực hiện chủ trương và ý nghĩa

1.2.2 Hạn chế và nguyên nhân

2. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới

2.1 Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hóa

2.1.1 Đại hội VI của Đảng phê phán sai lầm trong nhận thức và chủ trương công nghiệp hóa thời kỳ 1960-1986

2.1.2 Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hóa từ Đại hội VI đến Đại hội X

2.2 Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa

2.2.1 Mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa

2.2.2 Quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa

2.3. Nội dung và định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức

2.3.1 Nội dung

2.3.2 Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực kinh tế trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức

2.4 Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

2.4.1 Kết quả thực hiện đường lối và ý nghĩa

2.4.2 Hạn chế và nguyên nhân

Vấn đề 7: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

1. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường

1.1 Cơ chế quản lý kinh tế Việt Nam thời kỳ trước đổi mới

1.1.1 Cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp.

1.1.2 Nhu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế

1.2. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới

1.2.1 Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội VI đến Đại hội VIII

1.2.2 Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội IX đến Đại hội XI

2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta

2.1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản

2.1.1 Thể chế kinh tế và thể chế kinh tế thị trường

2.1.2 Mục tiêu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

2.1.3 Quan điểm về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

2.2 Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

2.2.1 Thông nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

2.2.2 Hoàn thiện thể chế về sở hữu và các thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp và các tổ chức sản xuất kinh doanh

2.2.3 Hoàn thiện thể chế đảm bảo đồng bộ các yếu tố thị trường và phát triển đồng bộ các loại thị trường.

2.2.4 Hoàn thiện thể chế gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển và bảo vệ môi trường

2.2.5 Hoàn thiện thể chế về vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự tham gia của các tổ chức quần chúng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội

2.3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

2.3.1 Kết quả và ý nghĩa

2.3.2 Hạn chế và nguyên nhân

Vấn đề 8: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị

1. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới (1945 - 1985)

1.1. Hệ thống chính trị dân chủ nhân dân (1945 - 1954)

1.2. Hệ thống dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản (1954 – 1975)

1.3. Hệ thống chuyên chính vô sản theo tư tưởng làm chủ tập thể (1975 - 1985)

2. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới

2.1. Đổi mới tư duy về hệ thống chính trị

2.1.1 Nhận thức mới về mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị

2.1.2 Nhận thức mới về đấu tranh giai cấp và về động lực chủ yếu phát triển đất nước trong giai đoạn mới

2.1.3 Nhận thức mới về xây dựng Nhà nước pháp quyền trong hệ thống chính trị

2.2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới

2.2.1 Mục tiêu và quan điểm xây dựng hệ thống chính trị

2.2.2 Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị

2.3. Đánh giá sự thực hiện đường lối

2.3.1 Kết quả thực hiện chủ trương và ý nghĩa

2.3.2 Hạn chế và nguyên nhân

Vấn đề 9: Đường lối xây dựng và phát triển nền văn hóa

1. Thời kỳ trước đổi mới

1.1. Quan điểm, chủ trương về xây dựng nền văn hóa mới

1.2. Đánh giá sự thực hiện đường lối

2. Trong thời kỳ đổi mới

2.1 Quá trình đổi mới tư duy về xây dựng và phát triển nền văn hóa

2.2 Quan điểm chỉ đạo về xây dựng và phát triển nền văn hóa

2.3 Chủ trương xây dựng và phát triển nền văn hóa

2.4 Đánh giá việc thực hiện đường lối

Vấn đề 10: Đường lối giải quyết các vấn đề xã hội

1. Thời kỳ trước đổi mới

1.1 Chủ trương của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội

1.2 Đánh giá việc thực hiện đường lối

2. Trong thời kỳ đổi mới

2.1 Quá trình đổi mới nhận thức về giải quyết các vấn đề xã hội

2.2 Quan điểm về giải quyết các vấn đề xã hội

2.3 Chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội

2.4 Đánh giá sự thực hiện đường lối

Vấn đề 11: Đường lối đối ngoại

1. Đường lối đối ngoại từ năm 1975 đến năm 1986

1.1 Hoàn cảnh lịch sử

1.1.1 Tình hình thế giới

1.1.2 Tình hình trong nước

1.2 Nội dung đường lối đối ngoại của Đảng

a) Nhiệm vụ đối ngoại

b) Chủ trương đối ngoại với các nước

1.3 Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

1.3.1 Kết quả và ý nghĩa

1.3.2 Hạn chế và nguyên nhân

2. Đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới

2.1 Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối

2.1.1 Hoàn cảnh lịch sử

2.1.2 Các giai đoạn hình thành, phát triển đường lối

2.2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế

2.2.1 Mục tiêu, nhiệm vụ và tư tưởng chỉ đạo

2.2.2 Một số chủ trương, chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế

2.3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

2.3.1 Thành tựu và ý nghĩa

2.3.2 Hạn chế và nguyên nhân

13. Đội ngũ giảng viên giảng dạy

Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên môn
Triệu Thị Trinh	Tiến sĩ	Lịch sử
Đỗ Thị Yến	Tiến sĩ	Lịch sử
Đoàn Thanh Thủy	Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
Lê Hương Giang	Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
Nguyễn Thị Phúc	Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

14. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Để hoàn thành học phần sinh viên cần đạt được yêu cầu của mục 8 và mục 10 trong chương trình.

- Giảng viên cần chuẩn bị giáo án và chủ động, linh hoạt áp dụng những phương pháp giảng dạy phù hợp với điều kiện cụ thể của giảng đường, vấn đề giảng dạy và người học

- Chương trình sẽ được rà soát, chỉnh sửa: 4 năm/ lần và theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG ANH CƠ BẢN 1

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-DHLDXH ngày / /2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)*

- 1. Tên học phần:** Tiếng Anh cơ bản 1; **Mã học phần:** TAC10622H
- 2. Số tín chỉ:** 2 TC (24, 12, 54)
- 3. Trình độ:** Sinh viên năm thứ nhất các ngành Bảo hiểm, Công tác xã hội, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Quản trị nhân lực, Kinh tế, Luật kinh tế, Tâm lý học.

4. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết (LT): 24 giờ
- Thực hành (ThH): 12 giờ (trong đó bao gồm 02 giờ kiểm tra)
- Tự học (TH): 54 giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu của học phần:

- Kiến thức: Kiến thức tiếng Anh tương đương trình độ giữa A2 theo khung tham chiếu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Kỹ năng: các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết cơ bản.

7. Mô tả văn tắt nội dung của học phần:

Cung cấp kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ đầu A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Đọc và nghiên cứu giáo trình tiếng Anh New English File – Pre-intermediate từ Files 1 đến Files 4
- Làm các bài tập trong từng Files và bài tập có liên quan đến học phần
- Thực hiện các bài tập luyện bốn kỹ năng nghe, nói, đọc viết trong chương trình học
 - Thực hiện 1 bài kiểm tra giữa kì
 - Hoàn thành bài thi kết thúc học phần

9. Tài liệu học tập:

[1] Clive Oxeden et.al. New English Files Pre- intermediate- Student book. Oxford University Press. 2004. www.oup.com/elt/englishfile/elementary.

[2] Clive Oxeden et.al. New English Files Pre- intermediate - Workbook. Oxford University Press. 2004.

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

STT	Điểm thành phần	Nội dung	Trọng	Ghi
-----	-----------------	----------	-------	-----

			số	chú
1	Điểm chuyên cần	Sinh viên tham gia đầy đủ giờ học trên lớp; tinh thần học tập.	10%	
2	Điểm bài tập (cá nhân, nhóm)	- Sinh viên chuẩn bị trước bài ở nhà; - Làm bài tập cá nhân trên lớp - Làm bài tập nhóm theo yêu cầu của giảng viên.	10%	
3	Điểm kiểm tra giữa kỳ (trên lớp)	<p>- Hình thức kiểm tra: Bài kiểm tra vấn đáp và bài kiểm tra viết trắc nghiệm kết hợp với tự luận</p> <p>- Cấu trúc kiểm tra vấn đáp: Giới thiệu bản thân và tả tranh (5 phút)</p> <p>- Cấu trúc đề kiểm tra viết trắc nghiệm kết hợp với tự luận: Câu 1 (1đ): Choose the best answer among A, B, C, D that best completes each sentence. Circle the letter of your choice; Câu 2 (2đ): Choose one word or phrase in the box that best fits the blank space in the following passage;</p> <p>Câu 3 (3đ): Make all changes and addition necessary to produce sentences from the following sets of words and phrases; Câu 4 (2đ): Rewrite each of the following sentences in another way so that it means almost the same as the first one; Câu 5 (2đ): Read the passage then answer the questions</p> <p>- Thời gian thực hiện bài kiểm tra: Sau khi kết thúc unit 2</p> <p>- Thời gian làm bài kiểm tra vấn đáp : 5 phút</p> <p>- Thời gian làm bài kiểm tra viết: 90 phút</p>	20%	Điểm bộ phận 40%
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Hình thức thi: Bài thi vấn đáp và Bài thi viết trắc nghiệm kết hợp với tự	60%	

	<p>luận, trong đó bài thi vấn đáp có trọng số 30% của bài thi kết thúc học phần; Bài thi viết trắc nghiệm kết hợp với tự luận có trọng số 70% của bài thi kết thúc học phần</p> <p>- Cấu trúc</p> <p>Cấu trúc bài thi vấn đáp: Giới thiệu bản thân và tả tranh</p> <p>Cấu trúc đề thi viết trắc nghiệm kết hợp với tự luận: Câu 1 (1đ): Choose the best answer among A, B, C, D that best completes each sentence. Circle the letter of your choice; Câu 2 (2đ): Choose one word or phrase in the box that best fits the blank space in the following passage; Câu 3(3đ): Make all changes and addition necessary to produce sentences from the following sets of words and phrases; Câu 4 (2đ): Rewrite each of the following sentences in another way so that it means almost the same as the first one; Câu 5(2đ): Read the passage then answer the questions</p> <p>- Thời gian làm bài thi:</p> <p>Thời gian thực hiện bài thi vấn đáp: 5 phút</p> <p>Thời gian làm bài thi viết trắc nghiệm kết hợp với tự luận: 90 phút</p>	
--	--	--

11. Thang điểm:

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá
 C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình
 D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu
 + Loại không đạt
 F+ (2,0 – 3,9) F (dưới 2,0): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)				Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	ThH/TL	KT	
1	Files 1	[1], [2]	7	5	2		11
2	Files 2	[1], [2]	9	5	4	2	12
3	Files 3	[1], [2]	7	5	2		11
4	Files 4	[1], [2]	7	5	2		11
5	Học phòng LAB	[1], [2]	4	2	2		5
6	Ôn tập	[1], [2]	2	2			4
Tổng số			36	24	12	2	54

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết:

File 1

1A Who's who?

- Word order in questions
- Common verb phrases, classroom language
- Vowel sounds, the alphabet

1B Who knows you better?

- Present simple
- Family, personality, adjectives
- Third person and singular -s

1C At the Moulin Rouge

- Present continuous
- The body, prepositions of place
- Vowel sounds

1D The Devil's Dictionary

- Defining relative clauses (a person who...., a thing which....)
- Expressions for paraphrasing: like, for example, etc.

- Pronunciation in a dictionary

Revise & Check

File 2

2A Right place, wrong time

- Past simple regular and irregular verbs

- Holidays

- ed endings, irregular verbs

2B A moment in time

- Past continuous

- Prepositions of time and place: in, at, on

2C Fifty years of pop

- Questions with and without auxiliary

- Questions words, pop music

2D One October evening

- So, because, but, although

- Verb phrases

Revise & Check

File 3

3A Where are you going?

- Going to, present continuous (future arrangements)

- Look after, for, etc.

- Sentence stress

3B The pessimist's phrase book

- Will/won't (predictions)

- Opposite verbs

- Contractions (will/won't)

3C I'll always love you

- Will/won't (promises, offers, decisions)

- Verb + back

- Word stress: two - syllable words

3D I was only dreaming

- Review of tenses: present, past and future

- Verb + prepositions

- Sentence stress

Revise & Check

Consolidation

File 4

4A From rags to riches

-Present perfect (experiences) + ever, never, present perfect or past simple?

-Clothes

-Vowel sounds

4B Family conflicts

-Present perfect simple + yet, just, already

-Verb phrases

-Consonant sounds

4C Faster, faster!

-Comparatives, as...as, less...than...

-Time expressions: spend time, waste time, etc.

-Sentence stress

4D The world's friendliest city

-Superlative (+ ever + present perfect)

-Opposite adjectives

-Word stress

Revise & Check

13. Đội ngũ giảng viên giảng dạy

Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên môn
Phan Thị Mai Hương	TS	Tiếng Anh
Lê Anh Tuấn	TS	Tiếng Anh
Nguyễn Thị Thanh Hương	ThS	Tiếng Anh
Trương Thị Tuyết Hạnh	ThS	Tiếng Anh
Phạm Thị Hồng Hạnh	ThS	Tiếng Anh
Kiều Linh	ThS	Tiếng Anh
Phạm Thị Liễu	CN	Tiếng Anh
Lê Thị Thu Thuý	ThS	Tiếng Anh
Trịnh Thị Thuỷ	ThS	Tiếng Anh
Hoàng Thị Hiền	ThS	Tiếng Anh
Trần Thị Thu Hằng	ThS	Tiếng Anh
Trương Thị Thuý	ThS	Tiếng Anh
Nguyễn Thị Lan Anh	ThS	Tiếng Anh
Chử Mai Lan	ThS	Tiếng Anh
Trần Thị Thu Hương	ThS	Tiếng Anh
Đào Thị Thu Hương	ThS	Tiếng Anh

Bùi Thị Thu Hà	ThS	Tiếng Anh
Nguyễn Thị Việt Hoa	ThS	Tiếng Anh
Phan Thị Thanh Tâm	ThS	Tiếng Anh
Đàm Lan Hương	ThS	Tiếng Anh
Nguyễn Thị Minh Huyền	ThS	Tiếng Anh
Lại Minh Thư	ThS	Tiếng Anh
Trần Thị Huyền	ThS	Tiếng Anh
Cao Sơn Hùng	ThS	Tiếng Anh
Cao Thị Huyền Nga	ThS	Tiếng Anh
Nguyễn Thị Thu Thuỷ	ThS	Tiếng Anh
Nguyễn Thị Hoa	ThS	Tiếng Anh
Triệu Thị Trang	ThS	Tiếng Anh
Đỗ Thị Diệp Linh	ThS	Tiếng Anh

14. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Số lượng tín chỉ của học phần là 2 TC, trong đó có 24 giờ lí thuyết và 12 giờ thực hành

Sinh viên cần thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giáo viên theo mục 8 và tham gia làm bài kiểm tra đánh giá giữa kì, thi kì thi hết học phần theo quy định của nhà trường.

Giáo viên áp dụng và phối hợp các phương pháp dạy học, truyền thống, tích cực, nêu vấn đề một cách linh hoạt.

Chương trình 2 năm sẽ được rà soát 1 lần.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Hà Xuân Hùng